

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIÊU THẤT
Bồ-đề Đạt-Ma - Trúc Thiên dịch 1969
Sách Ấn Tổng: 337 N. Keystone st., Burbank, CA 91506 USA



---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 4-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

TRƯỚC KHI VÀO CỬA ĐỘNG
CỬA THỨ NHẤT - TÂM KINH TỤNG
CỬA THỨ NHÌ - PHÁ TƯỚNG LUẬN
CỬA THỨ BA - NHỊ CHỦNG NHẬP
CỬA THỨ TƯ - AN TÂM PHÁP MÔN
CỬA THỨ NĂM - NGỘ TÁNH LUẬN
CỬA THỨ SÁU - HUYẾT MẠCH LUẬN
PHỤ LỤC

---o0o---

"Hoa lưu động khẩu ngữ trường tại"

TRƯỚC KHI VÀO CỬA ĐỘNG

(Thay lời tựa)

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIÊU THẤT là tên dịch một tác phẩm lớn của thiền Trung Hoa, gọi là Thiêu Thất Lục Môn. Lục môn là sáu cửa, sáu pháp môn - Sáu cửa vào đạo pháp vậy. Đạo đây là đạo Phật thiền. Trong các

ngành Phật giáo, Thiền đứng riêng một chân trời cùng tuyệt, chủ trương chỉ thẳng vào nơi tánh, thấy thẳng nơi tự tâm để tức khắc thành Phật, khỏi phải khổ tu nhiều kiếp. Do đó, Thiền được gọi là tối thượng thừa, nghĩa là cỗ xe tối thượng đi thẳng vào nước Phật. Ai nương cỡi, ai "thừa" cỗ xe ấy tức thành Phật. Nói thế không có nghĩa là cỗ xe lớn nhất so với những cỗ xe khác, xe dê của Thanh văn, xe nai của Duyên giác, xe trâu của Bồ tát v.v... Trái lại tối thượng thừa đích thực là "không còn thừa nào để mà thừa", nên nói suốt ngày "thừa" mà vẫn như chưa hề "thừa". Có thừa như thế mới gọi là Phật thừa - cỗ xe Phật. Mất hết điểm so sánh, Thiền mất luôn chỗ đứng giữa các hệ phái. Nói một cách khác, vì mất tất cả nên được lại tất cả. Thiền đương nhiên bao dung tất cả trong một sức chứa vô lượng vô biên: sức chứa của cái không. Nên Thiền, tức là Đại Đồng. Và tối thượng thừa tức là vô thừa. Kinh nói: "*Lấy vô thừa làm Phật thừa*" là nhằm hiển thị cái lý đại đồng ấy vậy.

* * *

Trong tinh thần ấy, sáu cửa vào động Thiền không còn là cửa theo như chúng ta thường quan niệm. Thật vậy, phàm nương vào cửa đạo, mượn phương tiện tìm chân lý, ắt dễ kẹt ở cửa, dễ chấp làm phương tiện làm chân lý. Giữa người và chân lý có một màn ngăn, nên thiền ví mọi "cửa pháp" như chiếc giày mang ở chân: muốn gỡ chỗ chân ngứa, hóa ra ta chỉ gỡ trên chiếc giày. Muốn được đã ngứa, phải gỡ thẳng vào da trần. Muốn thấy sự thật, phải tiếp nhận thẳng sự thật. Thiền Linh Sơn của đức Phật gọi thế là biệt truyền - truyền riêng. Thiền Thiếu Lâm của Đạt Ma gọi thế là trực chỉ - trở thẳng. Và cửa vào đạo hóa ra cửa - không - cửa. Và pháp môn thiền hóa ra pháp - không - pháp. Chính cái pháp không pháp ấy, đức Phật đã mật truyền cho tôn giả Ca Diếp trong bài kệ phó chúc:

***Pháp bốn pháp vô pháp,
Vô pháp, pháp diệt pháp.
Kim phó vô pháp thời,
Pháp pháp hà tăng pháp.***

* * *

Vậy thực chất của sáu cửa là gì? Đó là:

- Tâm kinh tụng: tụng về bộ Bát nhã Tâm kinh.
- Pháp tướng luận: luận về phép phá tướng.
- Nhị chủng nhập: hai đường vào đạo.

- An tâm pháp môn: phép an tâm.
- Ngô tánh luận: luận về phép thấy tánh thành Phật
- Huyết mạch luận: luận về mạch máu của đạo Phật.

Cửa thứ nhất mở vào tâm - mạch sống của đạo Thiên. Quả đúng như lời người xưa nói: "Thiên là tên gọi của tâm, tâm là bản thể của Thiên". Tâm đây là tâm của tông Bát nhã. Tông Bát nhã là "không tông", tông phái của cái "không". Cái không Bát nhã siêu việt và viên dung cả "hữu" và "vô", của trí thức suy luận để hiện thực ở trung đạo không nghĩ bàn được. Đó là cảnh giới tuyệt đối, không mảy tượng mạo, nên để vào đó, hành giả đừng mong bám víu vào bất cứ gì, dù là một ý thoáng:

Tịch diệt thể vô đắc
Chân không tuyệt thủ phan.
 (Thể Niết bàn không chứng đắc
 Chân không chặt đứt tay leo)

Cửa thứ hai là cửa phá tướng: phá tất cả những gì do khối óc và bàn tay con người tạo ra để biểu thị chân lý, nhưng đồng thời cũng chôn vùi luôn chân lý dưới khối phù hiệu, công thức, nghi thức. Kinh nói: "*Lìa hết tướng tức là Phật*". Mà Phật tức là tâm. Nên phá tướng tức trả tâm về cho bản thể nguyên thủy. Tự nơi bản thể ấy "tự nhiên hằng sa công đức, thấy thấy trang nghiêm; vô số pháp môn, mỗi mỗi thành tựu; vượt phàm chứng thánh, mắt thấy chẳng xao, chốc lát ngộ liền, há cần nhọc sức".

Cửa thứ ba là nhị chủng nhập. Chỉ riêng về phép "Báo oán hạnh" chẳng hạn, Thiên dạy rằng khi gặp khổ cứ vui chịu, đừng than trời trách người. Mắc nợ thì trả nợ, đó là lẽ công, cần sòng phẳng. Sòng phẳng mà không oán trách, đó là hành đạo trên "Sự". Hành sự mà lòng không loạn động, đó là tự "Lý". Trên hiện tại lý với sự chẳng khác nhau, nên khổ mà không oán trách, đó là giải thoát: giải thoát ở hiện tại, bằng những hành động thích ứng với hiện tại. Chỉ có hiện tại là thực, cần tác động vào đó, ngoài ra quá khứ và tương lai đều là vọng tưởng.

Cửa thứ tư là phép an tâm. Sách chép khi Huệ Khả đến viếng Đạt Ma có bạch rằng: - Tâm con không an. Thịnh Hòa thượng cho con được an tâm. Đạt Ma bảo: - Người đưa tâm đây thầy an cho. - Con tìm mãi mà không thấy tâm đâu cả. Đạt Ma kết luận: - Vậy là tâm nhà người đã an rồi đó. Câu chuyện biểu thị căn bệnh lo âu truyền kiếp của hầu hết chúng ta, một thứ *angoisse existentielle* thúc dục chúng ta chạy khắp phương trời, khắp kim

cổ, tìm đường giải thoát. Chính cuộc chạy lằng xằng ấy, ta tạm gọi là cầu đạo, tìm chân lý. Nếu bất thần ta dừng lại như Huệ Khả ắt toàn thể trời đất và nhân sanh bỗng ngưng thức tỉnh trên một thực tại phi thường; thức tỉnh trên tâm: ta không có tâm (hoặc bản ngã) nào khác hơn là ý nghĩ; thức tỉnh trên bệnh bất an: ta không có bệnh nào khác hơn là mặc cảm; thức tỉnh trên thời gian: ta không có thời gian nào khác hơn là hiện sanh. Đó là ý nghĩa của bài kệ chứng đạo sau đây của Huệ Khả:

*Ba thuở cầu tâm, tâm chẳng có,
Tấc lòng kiếm vọng, vọng hoàn không.
Vọng nguyên không xứ tức Bồ đề,
Đó mới gọi là chơn đắc đạo.*

Cửa thứ năm là ngộ tánh luận, chỉ thẳng phép thấy tánh thành Phật, tự thành Phật, tự ý thức cốt Phật bản lai của chúng ta bị vùi sâu từ vô lượng kiếp dưới lớp chiêm bao, nói đúng hơn, dưới từng lớp mặc cảm làm điên đảo cuộc sống: mặc cảm tự ti, phạm tội, sa đọa vĩnh viễn, tội tổ tông v.v... Bung ra khỏi khối chiêm bao, nhô lên khỏi vũng mặc cảm thì là gì? Là thức tỉnh trên cái hiện tiền: **đương xứ tức chân**. "*Phàm phu đang sống sợ chết, vừa no lo đói, mê hoặc làm sao! Còn những người đích thực là người - những bậc chí nhân - chẳng tính việc trước, chẳng lo việc sau, chẳng nao động ở hiện tại nên không lúc nào chẳng thuận đạo*".

Cửa thứ sáu là huyết mạch luận. Phật ở đây được trả về cho thế giới đại đồng như một sức mạnh thuần túy của cuộc sống, một trái tim của vũ trụ, một nguồn sống bất sanh bất diệt, thấm nhuần tất cả, cả đến cỏ cây vô tri. Phật là người không là gì hết.

*Phật thị nhàn nhàn,
Phật bất thị Phật,
Mạc tác Phật giải.*

Phật là toàn thể, không thể chia chẻ. Nếu làm Phật giải Phật, tức chia chẻ Phật, ắt mắc bệnh phân tâm - và mất luôn thiên đường. Bằng hòa đồng với nguyên khối thì tánh tức là tướng, bản thể tức là hiện tượng, tâm tức là động, động tức là dụng v.v... Nói tóm lại, không gì chẳng là đạo, không gì chẳng là Phật. Tất cả đều rỗng rang, đều tự tại, đều không phạm thánh gì hết; "**quách nhiên vô thánh**". Đó mới thực là trang nghiêm nước Phật.

* * *

Sáu cửa là vậy, cửa - không - cửa. Còn Thiếu Thất là tên một núi nằm trong dãy Tung Nhạc, thuộc tỉnh Hà Nam, huyện Đãng Phong. Dãy Tung Nhạc có ba mươi sáu ngọn núi, phía đông gọi là Đại Thất (nhà lớn), phía tây gọi là Thiếu Thất hoặc Tiểu Thất (nhà nhỏ). Nhà đây là nhà đá, đá núi dựng thành nhà, xếp thành am động. Riêng núi Thiết Thất cao 860 trượng, thuở xưa vua Hậu Ngụy Hiếu Văn có dựng lên tại đây một ngôi chùa cho thiền sư Phật Đà Thiên Trúc ở, gọi là chùa Thiếu Lâm. Chính tại ngôi chùa cổ này, vào khoảng năm 520, sư Bồ Đề Đạt Ma ngồi chín năm nhìn vách đá. Thiếu Thất cũng là tên riêng của sơ tổ Đạt Ma. Vậy, sách Thiếu Thất lục môn là của Đạt Ma. Đúng: vì tác phẩm chứa toàn những giáo lý căn bản của Thiền Đạt Ma, phù hợp với những tài liệu được ghi chép trong bộ Thiền sử Truyền Đăng Lục. Mà cũng có thể không đúng: vì ta có nhiều lý do để ngờ rằng sách này do chư Sư mới soạn ra sau này, có lẽ vào khoảng cuối đời Đường - và soạn ra nhân danh tổ Đạt Ma. Tại sao có thể thế được? Tại sao người viết chịu tự mình khuất lấp đi sau tên người khác, trong khi chỉ một tác phẩm nói trên đủ đưa người viết lên tuyệt đỉnh vinh quang, ít nhất trên phương diện lập ngôn? Tại sao? Và tại sao? Xin dành những dấu hỏi trên cho các nhà học giả và khảo cổ. Đối với người học đạo, sách có thể mang tên Đạt Ma, Lâm Tế, Trần Thái Tông, hoặc ông, tôi, vô danh thị không hề gì: tất cả tên đều là tên giả. Tất cả cái tôi đều là tôi giả. Con người không là gì hết trong dòng biến chuyển của nhân duyên. Nhưng con người đi qua, và tác phẩm còn lại. Và những hoa kỳ cỏ lạ lưu lại mãi cho đời:

"Hoa lưu động khẩu ưng trường tại"

Những hoa cỏ ấy đều không tên. Chỉ cái không tên mới đứng ngoài không gian thời gian, mới "vạn đại cổ kim thường". Cái "thường" của Niết bàn tịch diệt, không ta không người. Cái "thường" của những ngọn bút nhập thần viết ra không vì mình, không vì người, không vì gì cả, mà chỉ vâng theo, chỉ "nhiệm vận", chỉ ứng dụng theo tâm không, tùy cảm theo nhịp sống đại đồng. Điều quan hệ đối với con người chúng ta là hiện tại trước mắt. Ở hiện tại, ta là người bị mũi tên độc ghim thẳng vào mạch sống. Đừng hỏi tên ấy của ai, làm ra lúc nào, làm bằng chất gì, do đâu mà bắn ra v.v... Hỏi, tức là thụt lui về quá khứ. Không ai sửa được quá khứ. Mọi tác động phải tác động trên hiện tại. Trên hiện tại, có ta, mũi tên, chứng bệnh, và tất cả đòi hỏi một liều thuốc. Sách Thiếu Thất lục môn là liều thuốc ấy, rất công phạt cho những khối óc bị nhiễm độc. **Kinh Hoa Nghiêm kể:** Ngày kia, Bồ tát Văn Thù bảo Thiện Tài đi hái thuốc, dặn: "Cái gì không phải là thuốc, hái đem về đây". Thiện Tài tìm khắp không được, bèn trở về bạch: "Không gì chẳng phải là thuốc cả". Văn Thù bảo: "Cái gì là thuốc, hái đem về đây". Thiện Tài

*hái đem về dâng lên Văn Thù. Văn Thù cầm mớ thuốc nói với đại chúng:
"Thuốc này cũng có thể giết người, cũng có thể cứu sống người".*

"Không gì chẳng là thuốc. ()
Suốt thế giới toàn là bệnh. (**)
Suốt loài người toàn là bệnh.
Vì bệnh nên có thuốc.
Vì có thuốc nên có bệnh.
Thuốc trị bệnh.
Bệnh dùng thuốc".
"Dược bệnh tương trị",
thuốc và bệnh trị cho nhau.
Nếu không bệnh thì không thuốc,
Nếu không thuốc thì không bệnh.*

Nếu không bệnh không thuốc thì không có gì cần nói giữa chúng ta. Cả độc thoại cũng không nốt. Giờ đây, sáu cửa động đã rộng mở, mời chúng ta bước vào. Nhưng thôi, khỏi cần vào sáu cửa. Ta chỉ vào bất cứ một cửa nào đó thôi, tùy theo duyên cảm. Sáu cửa đều trở về một cửa. Một cửa bao hàm luôn sáu cửa. Nhưng vào, xin nhớ ra. Đó là điều tối cần. Nếu ra không được thì cửa nào cũng là cửa tử. Còn ra được thì sao? Không biết. Xin để cho người biết - hòa thượng Phật Quả Viên Ngộ - lên tiếng nói: "*Chư Phật chẳng từng xuất thế, cũng không một pháp trao cho người. Tổ sư (Đạt Ma) chẳng từng qua đây, cũng chưa hề lấy tâm truyền thọ. Bởi người đời nay không rõ nên mải lo cầu ngoài. Sao không biết tự dưới gót chân mình chặt hết đại sự nhân duyên, hiền thánh đừng dính níu? Chỉ nên như ta nay thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, nói mà chẳng nói, biết mà chẳng biết. Cầu gì mới được chứ?"*

***P.L. 2511
Trúc Thiên***

GHI CHÚ:

(*) Vô bất thị dược.

(**) Vân Môn: Dược bệnh tương trị. Tận đại địa thị dược. Na cá như tự kỷ.

CỬA THỨ NHẤT - TÂM KINH TỤNG

Nguyên âm:

1.-MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

*Trí huệ thanh tịnh hải
Lý mật nghĩa u thâm
Ba la đáo bỉ ngạn
Hương đạo kỳ do tâm
Đa văn thiên chủng ý
Bất ly tuyến nhân châm
Kinh hoa mịch nhất đạo
Vạn kiếp chúng hiền khâm*

1.- MA HA BÁT NHÃ
BA LA MẬT ĐA TÂM KINH *

*Trí huệ biến thanh tịnh
Lý mật nghĩa u thâm
Ba la qua bờ ấy
Soi đường chỉ do tâm
Nghe nhiều ngổ ngang ý
Chẳng lìa chỉ vì kim
Hoa kinh một mối đạo
Muôn kiếp thánh hiền vâng*

2.- QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

*Bồ tát vượt thánh trí
Sáu xứ rớt chung đồng
Tâm không quán tự tại
Vô ngại đại thân thông
Cửa thiên vào chánh thọ
Tam muội mặc tây đông
Mười phương trải chơi khắp
Nào thấy Phật hành tung*

3.-HÀNH THÂM BÁT NHÃ
BA LA MẬT ĐA THỜI

*Lục niên cần đại đạo
Hành thâm bất ly thân
Trí huệ tâm giải thoát*

*Đáo bỉ ngạn đầu nhân
Thánh đạo không tịch tịch
"Như thị ngã kim văn"
Phật hành bình đẳng ý
Thời đáo tự siêu quần*

3.- HÀNH THÂM BÁT NHẢ BA LA MẬT ĐA THỜI

*Sáu năm cầu đạo lớn
Hành sâu chẳng lìa thân
Trí huệ tâm giải thoát
Đến bờ kia tột cùng
Thánh đạo không lẳng lẳng
"Như ngã thị kim văn"
Phật hành ý bình đẳng
Thời đến tự siêu quần*

4.- CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG

*Tham ái thành ngũ uẩn
Giả hiệp đắc vi thân
Huyết nhục liên gân cốt
Bì lý nhất đôi trần
Mê đồ sanh lạc trước
Trí giả bất vị thân
Tứ tướng giai qui tận
Hô thậm nãi vi chân*

4.- CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG

*Tham mến thành năm uẩn
Giả dối kết làm thân
Máu thịt liên gân cốt
Trong da một đồng trần
Kẻ mê vui chấp dính
Người trí chẳng vì thân
Bốn tướng đều dứt bật
Mới được gọi là chân*

5.- ĐỘ NHẤT THIẾT KHỔ ÁCH

Vọng hệ thân vi khổ
Nhân ngã tự tâm mê
Niết bàn thanh tịnh đạo
Thùy khăng trước tâm y
Ấm giới lục trần khởi
Ách nạn nghiệp tương tùy
Nhược yếu tâm vô khổ
Văn tảo ngộ Bồ đề

5.- ĐỘ NHẤT THIẾT KHỔ ÁCH

Vọng buộc hóa thân khổ
Nhân ngã tự tâm mê
Niết bàn đường thanh tịnh
Sao chấp được tâm y
Ấm giới sáu trần dây
Ách nạn nghiệp theo kê
Vĩ rõ tâm không khổ
Sớm nghe ngộ Bồ đề

6.- XÁ LỢI TỬ

Đạt đạo do tâm bốn
Tâm tịnh lợi hoàn đa
Như liên hoa xuất thủy
Đốn giác đạo nguyên hòa
Thường cư tịch diệt tướng
Trí huệ chứng nan qua
Độc siêu tam giới ngoại
Cách bất luyến Ta bà

6.- XÁ LỢI TỬ

Đạt đạo tâm là gốc
Tâm lạng lợi bao la...
Như sen nhô mặt nước
Thoắt rõ gốc đạo hòa
Luôn ở nơi tịch diệt
Trí huệ ấy ai qua
Một mình siêu ba cõi
Hết luyến cảnh Ta bà

7.- SẮC BẤT DỊ KHÔNG,
KHÔNG BẤT DỊ SẮC
*Sắc dữ không nhất chủng
Vị đao kiến lưỡng ban
Nhị thừa sanh phân biệt
Chấp tướng tự tâm man
Không ngoại vô biệt sắc
Phi sắc nghĩa năng khoan
Vô sanh thanh tịnh tánh
Ngộ giả tức Niết bàn*

7.- SẮC BẤT DỊ KHÔNG,
KHÔNG BẤT DỊ SẮC
*Sắc với không một giống
Chưa rõ thấy hai đàng
Hai thừa đâm phân biệt
Chấp tướng tự đối gian
Ngoài không chẳng khác sắc
Chẳng sắc mới dung khoan
Vô sanh tánh thanh tịnh
Ngộ ấy tức Niết bàn*

8.- SẮC TỨC THỊ KHÔNG,
KHÔNG TỨC THỊ SẮC
*Phi không, không bất hữu
Phi sắc, sắc vô hình
Sắc không đồng qui nhất
Tĩnh thổ đắc an ninh
Phi không, không vi diệu
Phi sắc, sắc phân minh
Sắc không giai phi tướng
Thậm xứ lập thân hình*

8.- SẮC TỨC THỊ KHÔNG,
KHÔNG TỨC THỊ SẮC
*Chẳng không, không chẳng có
Chẳng sắc, sắc không hình
Sắc không về một mối
Đất tịnh được yên lành
Chẳng không, không là diệu*

*Chẳng sắc, sắc phân minh
Sắc không đều chẳng tướng
Nơi đâu dựng thân mình*

9.- THỌ TƯỚNG HÀNH THỨC
DIỆT PHỤC NHƯ THỊ

*Thọ tướng nạp chư duyên
Hành thức lượng năng khoan
Biến kế tâm tu diệt
Ngã bệnh tất tương can
Giải thoát tâm vô ngại
Phá chấp ngộ tâm nguyên
Cố vãn diệt như thị
Tánh tướng nhất ban ban*

9.- THỌ TƯỚNG HÀNH THỨC
DIỆC PHỤC NHƯ THỊ

*Thọ tướng nạp muôn duyên
Hành thức rộng dung khoan
Biến kế tâm nên dứt
Bệnh "ta" chẳng tương quan
Giải thoát tâm vô ngại
Phá chấp ngộ tâm nguyên
Nên nói "cũng như vậy"
Tánh tướng chẳng hai ban*

10.- XÁ LỢI TỬ

*Thuyết xá luận thân tướng
Lợi ngôn nhất chủng tâm
Bồ tát kim cương lực
Tứ tướng vận linh tâm
Đạt đạo ly nhân chấp
Kiến tánh pháp vô âm
Chư lậu giai tông tận
Biến thể thị chân tâm*

10.- XÁ LỢI TỬ

*Nói "xá" nhằm thân tướng
Nói "lợi" nhằm một tâm
Bồ tát vận trí lực*

*Bốn tướng chẳng đường xâm
Đạt đạo là nhân chấp
Thấy tánh pháp không âm
Chư lậu đều dứt trọn
Toàn thể ấy vàng ròng*

11.- THỊ CHƯ PHÁP KHÔNG TƯỚNG

*Chư Phật thuyết không pháp
Thanh văn hữu tướng cầu
Tâm kinh mịch đạo lý
Hà nhật học tâm hư
Viên thành chân thực tướng
Đốn kiến bãi tâm tu
Quýnh nhiên siêu pháp giới
Tự tại cánh hà ưu*

11.- THỊ CHƯ PHÁP KHÔNG TƯỚNG

*Chư Phật nói không pháp
Thanh văn chấp tướng cầu
Tìm kinh kiếm lẽ đạo
Bao giờ học tâm thôi
Viên thành tướng chân thực
Chợt rõ bỏ ý tu
Thênh thang vượt pháp giới
Tự tại hết lo âu*

12.- BẤT SANH BẤT DIỆT

*Lô xá thanh tịnh thể
Vô tướng bản lai chân
Như không giai tổng biến
Vạn kiếp thể trường tồn
Bất cộng giai bất trước
Vô cựu diệt vô tân
Hòa quang trần bất nhiễm
Tam giới độc vi tôn*

12.- BẤT SANH BẤT DIỆT

*Lô xá thể thanh tịnh
Không tướng tự nhiên chân
Như hư không rộng khắp*

*Muôn kiếp vẫn trường tồn
Chẳng chung chẳng riêng rẽ
Không cựu cũng không tân
Hòa đực trong chẳng nhiễm
Ba cõi một mình tôn*

13.- BẤT CẦU BẤT TỊNH

*Chân như việt tam giới
Cầu tịnh bốn lai vô
Năng nhân khởi phương tiện
Thuyết tế cập ngôn thô
Không giới vô hữu pháp
Thị hiện nhất luân cô
Bốn lai vô nhất vật
Khởi hiệp lưỡng ban hô*

13.- BẤT CẦU BẤT TỊNH

*Chân như vượt ba cõi
Dơ sạch vốn không nhờ
Vi thương phương tiện mở
Nói nhất cùng nói thừa
Cõi không chẳng có pháp
Hiện xuống bánh xe lừa
Xưa nay không một vật
Huống hai thứ lọc lừa*

14.- BẤT TĂNG BẤT GIẢM

*Như lai thể vô tướng
Mãn túc thập phương không
Không thượng nan lập hữu
Hữu nội bất kiến không
Khán tự thủy trung nguyệt
Văn như nhĩ bạn phong
Pháp thân hà tăng giảm
Tam giới hiệu chân dung (1)*

14.- BẤT TĂNG BẤT GIẢM

*Thể Như lai không tướng
Đầy đầy mười phương không
Trên "không" khôn lập "có"*

*Trong "có" chẳng thấy "không"
Nghe như tai gió thoảng
Xem như nguyệt trên sông
Pháp thân nào thêm bớt
Ba cõi gọi chân dung*

15.- THỊ CÔ KHÔNG TRUNG

*Bồ đề bắt tại ngoại
Trung văn (2) mịch già nan
Phi tướng phi phi tướng
Lượng trắc thất cơ quan
Thế giới phi thế giới
Tam quan chiếu tứ thiên
Bổn lai vô chướng ngại
Thậm xứ hữu già lan*

15.- THỊ CÔ KHÔNG TRUNG

*Bồ đề ngoài chẳng có
Cũng chẳng ở trung gian
Chẳng tướng, chẳng chẳng tướng
Cân nhắc mất cơ quan
Thế giới chẳng thế giới
Bổn trời sáng ba quang
Bổn lai không chướng ngại
Đâu là chỗ chắn ngang*

16.- VÔ SẮC VÔ THỌ TƯỚNG
HÀNH THỨC

*Vô sắc bổn lai không
Vô thọ ý hoàn đồng
Hành thức vô trung hữu
Hữu tận khước qui không
Chấp hữu thực bất hữu
Y không hựu lạc không
Sắc không tâm câu ly (3)
Phương thi đắc thần thông*

16.- VÔ SẮC VÔ THỌ TƯỚNG
HÀNH THỨC

Không sắc bổn lai không

*Không thọ ý vẫn đồng
Hành thức không trong có
Có hết lại về không
Chấp có đâu thực có
Theo không lại lạc không
Sắc không tâm lìa hết
Chừng ấy mới thần thông*

17.- VÔ NHÃN NHĨ TỶ THIỆT
THÂN Ý

*Lục căn vô tự tánh
Tùy tướng dữ an bài
Sắc phân duyên thanh hưởng
Nhân ngã thiệt khôì hài
Tị hoặc phân hương khừu
Thân ý dục tình quai
Lục xứ tham ái đoạ
Vạn kiếp bất luân hồi*

17.- VÔ NHÃN NHĨ TỶ THIỆT
THÂN Ý

*Sáu căn không tự tánh
Theo tướng đặt bày thối
Sắc duyên theo tướng vọng
Nhân ngã lười đùa chơi
Mũi đối phân mùi ngửi
Thân ý đắm tình đời
Sáu nơi tham muốn hết
Muôn kiếp chẳng luân hồi*

18.- VÔ SẮC THANH HƯƠNG
VỊ XÚC PHÁP

*Chứng trí vô thanh sắc
Hương vị xúc tha thù
Lục trần tòng vọng khởi
Phàm tâm sự hoặc nghi
Sanh tử hữu sanh tử
Bồ đề chứng thử thì
Pháp tánh không vô trụ
Chỉ khùng ngộ tha trì*

18.- VÔ SẮC THANH HƯƠNG
VỊ XÚC PHÁP

*Chứng tri không thanh sắc
Hương vị xúc khác gì
Sáu trần theo vọng đầy
Tâm phạm tự đối nghi
Sanh tử thôi sanh tử
Bồ đề chứng một khi
Pháp tánh không vô trụ
Chỉ sợ ngộ chầy chày*

19.- VÔ NHÃN GIỚI NÃI CHÍ
VÔ Ý THỨC GIỚI

*Lục thức tông vọng khởi
Y tha tánh tự khai
Nhãn nhĩ kiêm thân ý
Thùy khăng tự lượng tài
Thiệt tị hành điên đảo
Tâm vương khước khiến hồi
Lục thức trung bất cứu
Đốn ngộ hướng Như lai*

19.- VÔ NHÃN GIỚI NÃI CHÍ
VÔ Ý THỨC GIỚI

*Sáu thức theo vọng dậy
"Y tha" mở đối sai
Mắt tai luôn thân ý
Sơ tính được sao ai
Lưỡi mũi gây điên đảo
Tâm vương lạc hướng quay
Đợi gì trong sáu thức
Đốn ngộ hướng Như lai*

20.- VÔ VÔ MINH DIỆC VÔ
VÔ MINH TẬN NÃI CHÍ VÔ
LÃO TỬ DIỆC VÔ LÃO TỬ
TẬN

*Thập nhị nhân duyên hữu
Sanh hạ lão tương tùy
Hữu thân vô minh chí*

*Nhị tướng đấng đầu tể
Thân tận vô minh tận
Thọ báo khước lai kỳ
Trí thân như huyễn hóa
Cấp cấp ngộ vô vi*

20.- VÔ VÔ MINH DIỆC VÔ
VÔ MINH TẬN NÃI CHÍ VÔ
LÃO TỬ DIỆC VÔ LÃO TỬ
TẬN

*Vì mười hai duyên có
Sanh lão mới tương tùy
Thân có, vô minh đến
Hai tướng hiện liền khi
Thân hết, vô minh hết
Thọ báo hết hẹn kỳ
Rõ thân như mộng寐
Gấp gấp ngộ vô vi*

21.- VÔ KHỔ TẬP DIỆT ĐẠO

*Tứ đế hưng tam giới
Đốn giáo nghĩa phân minh
Khổ đoạn tập dĩ diệt
Thánh đạo tự nhiên thành
Thanh văn hư vọng tướng
Duyên giác ý an ninh
Dục tri thành Phật xứ
Tâm thượng mạc lưu đình*

21.- VÔ KHỔ TẬP DIỆT ĐẠO

*Bốn đế hưng ba cõi
Đốn giáo nghĩa phân minh
Khổ dứt, tập đã diệt
Đạo thánh tự nhiên thành
Thanh văn thôi tướng dối
Duyên giác ý an lành
Muốn biết nơi thành Phật
Trên tâm đừng trệ quanh*

22- VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC

*Pháp bốn phi vô hữu
Trí huệ nan trắc lường
Hoan hỷ tâm ly cấu
Phát quang mãn thập phương
Nan thắng u tiên hiện
Viễn hành đại đạo trường
Bất động siêu bỉ ngạn
Thiện huệ pháp trung vương*

22.- VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC

*Pháp vốn không vô hữu
Trí huệ dễ đâu lường
Hoan hỷ tâm lia bợn
Phát sáng ngập mười phương
Có gì hơn trước mắt
Tìm đâu xa đạo trường
Chẳng động qua bờ giác
Cõi thiện huệ pháp vương (*)*

23.- DĨ VÔ SỞ ĐẮC CỐ

*Tịch diệt thể vô đắc
Chân không tuyệt thủ phan
Bỏ lai vô tướng mạo
Quyền thả lập tam đàn
Tứ trí khai phá dụ
Lục độ hiệu đồ quan
Thập địa tam thừa pháp
Chúng thánh trắc tha nan*

23.- DĨ VÔ SỞ ĐẮC CỐ

*Niết bàn có gì chứng
Chân không đặt níu quàng
Xưa nay không tướng mạo
Quyền biến dựng ba đàn
Bốn trí mở pháp dụ
Sáu độ ví ải quan
Mười địa ba thừa pháp
Hàng thánh khó luận bàn*

24.- BỒ ĐỀ TÁT ĐOÀ
*Phật đạo chân nan thức
Tóa đỏa thị phàm phu
Chúng sanh yếu kiến tánh
Kính Phật mặc tâm cô
Thế gian thiện trí thức
Ngôn luận pháp tế thô
Đốn ngộ tâm bình đẳng
Trung gian hữu tương trừ*

24.- BỒ ĐỀ TÁT ĐOÀ
*Phật đạo thật khó thấu
Tát đỏa là phàm nhân
Chúng sanh cầu thấy tánh
Kính Phật chớ phụ tâm
Trong đời thiện trí thức
Luận pháp nói sâu nông
Đốn ngộ tâm bình đẳng
Dứt hết hai bên lầm*

25.- Y BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA CỒ
*Bát nhã ngôn trí huệ
Ba la vô sở y
Tâm không tánh quảng đại
Nội ngoại tận vô vi
Tánh không vô ngoại biện
Tam giới đạt nhân hi
Đại kiến minh đại pháp
Giai tán bất tư nghi*

25- Y BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA CỒ
*Bát nhã trí huệ ấy
Ba la không sở y
Tâm không rộng lớn khắp
Trong ngoài thấy vô vi
Tánh "không" không đại biện
Đạt giả có bao người*

*Thấy lớn sáng pháp lớn
Tán tụng biết bàn chi*

26.- TÂM VÔ QUÁI NGẠI

*Giải thoát tâm vô ngại
Ý nhược thái hư không
Tứ duy vô nhất vật
Thượng hạ tất giai đồng
Lai vãng tâm tự tại
Nhân pháp bất tương phùng
Phỏng đạo bất kiến vật
Nhiệm vận xuất phiền lung*

26.- TÂM VÔ QUÁI NGẠI

*Giải thoát tâm vô ngại
Ý tự thái hư không
Bốn phương không một vật
Trên dưới rớt chung đồng
Tối lui tâm tự tại
Nhân pháp chẳng chung cùng
Hỏi đạo chẳng thấy vật
Thong dong thoát chấu lông*

27.- VÔ QUÁI NGẠI CÓ VÔ
HỮU KHỦNG BỐ

*Sanh tử tâm khủng bố
Vô vi tánh tự an
Cảnh vọng tâm diệt diệt
Tánh hải trạm nhiên khoan
Tam thân quy tĩnh thổ
Bát thức ly nhân duyên
Lục thông tùy thực tướng
Phục bốn phước hoàn nguyên*

27.- VÔ QUÁI NGẠI CÓ VÔ
HỮU KHỦNG BỐ

*Sanh tử tâm lo sợ
Vô vi tánh tự an
Cảnh quên tâm cũng diệt
Biển tánh lặng dung khoan*

*Ba thân về đất tịnh
Tám thức lìa nhân duyên
Sáu thông theo tướng thực
Quày đầu bốn lai nguyên*

28.- VIÊN LY NHẤT THIẾT
ĐIÊN ĐẢO MỘNG TƯỚNG

*Nhị biên thuận mặc lập
Trung đạo vật tâm tu
Kiến tánh sanh tử tận
Bồ đề vô sở cầu
Thân ngoại mịch chân Phật
Điên đảo nhất sanh hưu
Tĩnh tọa thân an lạc
Vô vi cảnh tự châu*

28.- VIÊN LY NHẤT THIẾT
ĐIÊN ĐẢO MỘNG TƯỚNG

*Hai bên toàn chớ lập
Ở giữa chớ làm tu
Thấy tánh sanh tử hết
Bồ đề chẳng phải cầu
Noài thân tìm Phật thực
Điên đảo bỏ đi thôi
Ngồi tịnh thân vui lặng
Vô vi trái đến hồi*

29.- CỨU CÁNH NIẾT BÀN

*Cứu cánh vô sanh tánh
Thanh tịnh thị Niết bàn
Phàm phu mặc trặc thánh
Vị đáo tức ứng nan
Hữu học khước vô học
Phật trí chuyển thâm huyền
Yếu hội vô tâm lý
Mặc trước tức tâm nguyên*

29.- CỨU CÁNH NIẾT BÀN

*Không sanh tức cứu cánh
Thanh tịnh ấy Niết bàn*

*Phàm phu đừng luận thánh
Chưa đến biết chi bàn
Có học cùng không học
Trí Phật chuyển sâu huyền
Lý vô tâm cốt rõ
Đừng chấp lạng tâm nguyên*

30.- TAM THỂ CHƯ PHẬT

*Quá khứ phi ngôn thực
Vị lai bất vi chân
Hiện tại Bồ đề tử
Vô pháp hiệu huyền môn
Tam thân đồng qui nhất
Nhất tánh biến hàm thân
Đạt lý phi tam thể
Nhất pháp đắc vô nhân*

30.- TAM THỂ CHƯ PHẬT

*Quá khứ lời chẳng thật
Vị lai cũng chẳng chân
Hiện tại Bồ đề tử (**)
Không pháp gọi huyền môn
Ba thân cùng về một
Một tánh gọi nhuần thân
Đạt lý phi tam thể
Một pháp được không nhân*

31- Y BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA CỐ ĐẮC A NẬU
ĐA LA TAM MIỆU TAM
BỒ ĐỀ

*Phật trí thâm nan trắc
Huệ giải quảng vô biên
Vô thượng tâm chánh biến
Từ quang mãn đại thiên
Tịch diệt tâm trung xảo
Kiến lập vạn dư ban
Bồ tát đa phương tiện
Phổ cứu vị nhân thiên*

31.- Y BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA CỐ ĐẮC A NẬU
ĐA LA TAM MIỆU TAM
BỒ ĐỀ

*Trí Phật sâu không lượng
Huệ giải rộng vô biên
Vô thượng tâm chánh biến
Ánh từ ngập đại thiên
Tịch diệt tâm thiện xảo
Dựng lên vạn pháp thiên
Bồ tát nhiều phương tiện
Cứu khắp vì nhân thiên*

32.- CỐ TRI BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA THỊ ĐẠI THẦN CHÚ
THỊ ĐẠI MINH CHÚ

*Bát nhã vi thần chú
Năng trừ ngũ uẩn nghi
Phiền não giai đoạn tận
Thanh tịnh tự phân ly
Tứ trí ba vô tận
Bát thức hữu thần uy
Tâm đăng minh pháp giới
Tức thử thị Bồ đề*

32.- CỐ TRI BÁT NHÃ BA LA
MẬT ĐA THỊ ĐẠI THẦN CHÚ
THỊ ĐẠI MINH CHÚ

*Bát nhã là thần chú
Trừ dứt năm uẩn nghi
Phiền não cũng mất trọn
Thanh tịnh tự phân ly
Bốn trí cuộn cuộn sóng
Tám thức lộ thần uy
Đèn tâm soi pháp giới
Đó tức là Bồ đề*

33.- THỊ VÔ THƯỢNG CHÚ

*Vô thượng xưng tối thắng
Bạt tế vị quân mê*

*Ma ha tam giới chủ
Nguyên quang khởi từ bi
Năng thuận chúng sanh ý
Tùy lưu dẫn hóa mê
Nhân nhân khởi bỉ ngạn
Do ngã bất do y*

33.- THỊ VÔ THƯỢNG CHÚ
*Vô thượng xưng tối thắng
Bạt tế ấy quân mê
Giáo chủ ba ngàn cõi
Rộng mở nguyên từ bi
Thuận lòng chúng sanh muốn
Tùy cảnh dẫn qua mê
Người người lên bờ giác
Do mình chẳng do ai*

34.- THỊ VÔ ĐĂNG ĐĂNG CHÚ
*Phật đạo thành thiên thánh
Pháp lực cánh vô qua
Chân không diệt chư hữu
Thị hiện hóa thân đa
Lai vị chúng sanh khổ
Khử vị thế gian ma
Kiếp thạch giai qui tận
Duy ngã tại Ta bà*

34.- THỊ VÔ ĐĂNG ĐĂNG CHÚ
*Phật đạo bao người chứng
Pháp lực chẳng gì qua
Chân không dứt mọi có
Hóa thân hiện hằng sa
Đến vì chúng sanh khổ
Đi vì thế giới ma
Kiếp thạch thủy về hết
Mình ta lại Ta bà*

35.- NĂNG TRỪ NHẤT THIẾT
KHỔ CHÂN THỰC BẤT HƯ
Phật nguyện từ tâm quảng

*Thế thế độ chúng sanh
Hoằng pháp đàm chân lý
Phổ cần cấp tu hành
Hồi tâm kiến thực tướng
Khổ tận kiến vô sanh
Vĩnh tức tam ác đạo
Thản đãng lạc lý lý (4)*

35.- NĂNG TRỪ NHẤT THIẾT
KHỔ CHÂN THẬT BẤT HU

*Phật từ tâm rộng lớn
Đời đời nguyện độ sanh
Hoằng pháp nêu lẽ thực
Khắp khuyên gấp tu hành
Quày đầu thấy thực tướng
Khổ hết thấy vô sanh
Dứt hẳn ba đường ác
Thanh thản lòng vui thành*

36.- CỔ THUYẾT BÁT NHÃ
BA LA MẬT ĐA CHÚ

*Cổ thuyết chân như lý
Vị ngộ tức tâm hồi
Lục tặc thập ác diệt
Ma sơn hiệp để tôi
Thần chú trừ tam độc
Tâm hoa ngũ diệp khai
Quả thực căn bản kết
Bộ bộ kiến Như lai*

36.- CỔ THUYẾT BÁT NHÃ
BA LA MẬT ĐA CHÚ

*Nên nói lý chân như
Chưa ngộ gấp tâm hồi
Sáu giặc thôi gieo ác
Thùng sơn đáy lũng rồi
Thần chú trừ ba độc
Hoa tâm nảy năm chồi
Trái chín căn nguồn dứt
Bước bước thấy Như lai*

37.- TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT:
YẾT ĐẾ, YẾT ĐẾ, BA LA YẾT
ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾ
BỒ ĐỀ TÁT BÀ HA
*Yết đế bốn tông cương
Phò cơ kiến pháp chương
Như lai tối tôn thắng
Phàm tâm mạc đẳng lường
Vô biên vô trung tế
Vô đoản diệt vô trường
Bát nhã Ba la mật
Vạn đại cổ kim thường*

37.- TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT:
YẾT ĐẾ, YẾT ĐẾ, BA LA YẾT
ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾ
BỒ ĐỀ TÁT BÀ HA
*Yết đế giềng mối đạo
Đưa duyên phước lên đường
Như lai tối tôn thắng
Phàm tâm biết đâu lường
Không bên cũng không giữa
Dài ngắn cũng không luôn
Bát nhã Ba la mật
Suốt kim cổ hăng thường*

GHI CHÚ:

(**) Vua pháp ở cõi Thiên huệ là địa thứ 9 trong mười địa tương ứng với ngôi Bồ tát. Ở mức chứng này thành tựu được bốn pháp vô ngại giải vi diệu có thể tùy cơ nói rộng tất cả pháp không chút vướng mắc.*

(***) Bồ đề tử: hạt bồ đề làm râu chuối, tròng hạt (nghĩa đen)*

(1*) Chú thích trong nguyên bản: chữ "dung" ngờ là chữ "không".*

(2*) Chữ "văn": nghe, ngờ là chữ "gian": khoảng.*

(3*) Câu thơ thất luật ở chữ "ly" (lia), đáng lẽ phải là một chữ trắc, chẳng hạn như "khiên" hoặc "dẫn".*

(4*) Câu thơ thất luật chép nhầm chẵn?*

CỬA THỨ NHÌ - PHÁP TƯỞNG LUẬN

Hỏi: Nếu có người dốc lòng cầu đạo, thì nên tu theo pháp nào mới thực là cực kỳ tinh yếu?

Đáp: Chỉ nói pháp quán tâm thâm nhiếp trọn các pháp mới thực là cực kỳ tinh yếu.

Hỏi: Sao một pháp nhiếp trọn các pháp được?

Đáp: Tâm là gốc của muôn pháp. Tất cả các pháp, duy một tâm sanh. Nếu hiểu được tâm ắt muôn pháp sẵn đủ trong đó, ví như cây lớn có đủ cành nhánh trái bông, nhưng tất cả đều do một gốc sanh ra, nếu chặt gốc ắt cây chết. Nếu hiểu tâm tu đạo ắt được tinh lực nên dễ thành. Không hiểu tâm tu đạo ắt nhọc công vô ích. Mới biết tất cả việc lành dữ đều tự tâm. Cầu gì khác ở ngoài tâm, rốt không đâu có được.

*

Hỏi: Sao bảo quán tâm là xong hết?

Đáp: Đại Bồ tát khi hành sau pháp Bát nhã Ba la mật đa thấy bốn đại năm ấm vốn không vô ngã; thấy rõ do khởi dụng nên có hai tâm sai khác nhau.

Thế nào là hai?

Một là tịnh tâm: tâm trong sạch.

Hai là nhiễm tâm: tâm nhuốm bợn.

Hai tâm ấy, pháp giới tự nhiên xưa nay vốn có, kết hợp bằng những giả duyên đối đãi nương vịn vào nhau.

Tâm tịnh hằng vui nhân lành

Tâm nhiễm mắng lo nghiệp dữ.

Nếu không bị nhiễm, tức xung là thánh, xa lìa được hết khổ đau, chứng cảnh vui Niết bàn.

Bằng cứ buông lung theo tâm nhiễm tạo nghiệp, ắt bị khuất lấp, ràng buộc, tức gọi là phàm, chìm nổi trong ba cõi, chịu mọi thứ khổ. Tại sao vậy? Vì tâm nhiễm ấy gây chướng ngại cho bản thể chơn như vậy.

Kinh Thập địa nói: Trong thân chúng sanh có tánh Phật kim cương ví như vàng nhật tròn đầy, rộng lớn sáng bao la, chỉ vì lớp lớp mây ngũ âm che lấp nên không lộ được, khác nào ánh đèn bị nhốt giữa bình đất không chiếu hiện

được.

Kinh Niết Bàn lại nói: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; chỉ vì vô minh che lấp nên không được giải thoát.

"Tánh Phật" ấy, tức "tánh giác" vậy.

Chỉ "tự giác giác tha", tri giác sáng tỏ, tức gọi là giải thoát.

Nên biết mọi điều lành đều lấy giác làm gốc. Nhân gốc giác ấy mới kết được đủ thứ trái Niết bàn của cây công đức, đạo nhân đó mà thành. Nói quán tâm tức xong hết là vậy.

*

Hỏi: Trên nói tất cả công đức của tánh chân như Phật đều lấy giác làm gốc, còn tâm vô minh, chẳng hay lấy gì làm gốc?

Đáp: Tâm vô minh có tám vạn bốn ngàn phiền não, tình dục, với vô số điều dữ, đều do ba độc nên lấy đó làm gốc.

Ba độc ấy tức tham, sân si vậy.

Tâm ba độc ấy tự nó có đủ tất cả giống ác, ví như cây lớn, gốc tuy chỉ có một mà lá sanh ra thì vô lượng không cùng. Ở ba độc ấy từ mỗi gốc sanh ra các nghiệp dữ, trăm ngàn vạn ức, gấp mấy cái trước, không thể ví với gì được. Từ trong bốn thể của tâm ba độc ứng hiện ra sáu căn, cũng gọi là sáu tên giặc, tức là sáu thức. Sáu thức vào ra sáu căn, nhân đó có tham trước muôn cảnh, tạo thành nghiệp dữ, che khuất bốn thể chơn như, nên gọi là sáu tên giặc. Do ba độc sáu giặc, chúng sanh bị mê hoặc và rối loạn thân tâm, chịu mọi nỗi khổ. Cũng như sông ngòi có tiếp nguồn thông mạch, dòng nước mới chảy mãi không dứt và sóng mới muôn dặm cuộn giăng; nếu có ai bít mạch lấp nguồn thì mọi dòng nước ắt dứt theo.

Người cầu giải thoát có thể chuyển ba độc thành ba giới tự tịnh, chuyển sáu giặc thành sáu ba la mật, tức tự nhiên vĩnh viễn lìa xa biển khổ.

*

Hỏi: Sáu đường ba cõi rộng lớn bao la, nếu chỉ quán tâm thì sao thoát được những khổ đau không cùng tận?

Đáp: Nghiệp báo trong ba cõi chỉ do một tâm sanh. Nếu từ gốc đã vô tâm thì ở trong ba cõi mà như xa lia ba cõi.

Ba cõi ấy, tức là ba độc vậy.

Tham làm ra cõi dục.

Sân làm ra cõi sắc.

Si làm ra cõi sắc.

Nên gọi là ba cõi.

Do ba độc ấy gây nghiệp nặng nhẹ, quả báo chẳng đồng, chia ra làm sáu xứ, nên gọi là sáu nẻo.

*

Hỏi: Thế nào là nhẹ nặng chia làm sáu nẻo?

Đáp: Chúng sanh chẳng rõ chánh nhân, mê tâm tu thiện, chưa thoát ba cõi, thác sanh ở ba nẻo tội nhẹ.

Thế nào là ba nẻo nhẹ?

- Ấy là mê tu mười điều thiện, vọng cầu vui sướng, chưa thoát cõi tham, thì sanh nẻo trời.

- Mê giữ năm giới, vọng lòng thương ghét, chưa thoát cõi sân, thì sanh nẻo người.

- Mê chấp hữu vi, tin tà mong phước, chưa thoát cõi si, thì sanh nẻo A tu la. Đó là ba loại chúng sanh, gọi là ba nẻo nhẹ vậy.

Thế nào là ba nẻo tội nặng?

Ấy là buông lung theo tâm ba độc, toàn gây nghiệp dữ, rơi vào ba nẻo nặng.

- Nếu nghiệp tham nặng, thì rơi vào nẻo quỷ đói.

- Nếu nghiệp sân nặng, thì rơi vào nẻo địa ngục.

- Nếu nghiệp si nặng, thì rơi vào nẻo súc sanh.

Vậy ba nẻo tội nặng hiệp với ba nẻo tội nhẹ thành sáu nẻo luân hồi.

Mới biết tất cả nghiệp khổ đều do tâm mình sanh, nên cần nhiếp tâm, lìa hết tà ác, là mọi nỗi khổ của ba cõi sáu đường luân hồi đều tự nhiên tiêu mất, tức là được giải thoát.

*

Hỏi: Như lời Phật dạy: "Ta đã trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp, chịu vô số khổ nhọc mới thành được Phật đạo" sao nay nói chỉ quán tâm thì chế được ba độc là giải thoát?

Đáp: Lời Phật nói ra không hề hư dối. A tăng kỳ kiếp tức là tâm ba độc. Người Hồ (1) nói: "A tăng kỳ" (2), người Hán nói "bất khả số", nghĩa là đếm không xuể. Từ trong tâm ba độc ấy, có đủ thứ niệm ác nhiều như cát sông Hằng. Ở mỗi mỗi niệm ấy là một kiếp, vậy là có hằng hà số kiếp đếm không xuể, nên nói ba đại a tăng kỳ.

Tánh chân như bị ba độc che khuất. Nếu chẳng vượt lên tâm đại hằng hà sa độc ác ấy thì làm sao giải thoát được. Nếu nay chuyển được ba độc tham sân si làm ba món giải thoát, đó gọi là vượt qua ba đại a tăng kỳ kiếp.

Chúng sanh ở thời đại cùng mạt này, căn trí ngu si, cùn lụt, không nhận được ý sâu kín của Như Lai trong câu nói "ba đại a tăng kỳ", nên nghĩ Như Lai phải qua vô số kiếp như cát bụi mới thành Phật, điều ấy hà chỉ khiến người tu ngờ hã mà lùi bước Bồ đề sao?

*

Hỏi: Các đại Bồ tát nhờ giữ ba giới tu tịnh thực hành sáu độ, mới thành Phật đạo. Sao nay nói người học chỉ cần quán tâm chẳng tu giới hạnh, thì thành Phật thế nào được?

Đáp: Ba giới tu tịnh tức là tâm chế phục ba độc:

Chế phục tâm ba độc thành vô lượng thiện tụ.

Nói "tụ" là nói "hội" vậy.

Pháp lành vô lượng hội khắp ở tâm, nên gọi là ba giới tụ tịnh.

Nói sáu độ Ba la mật, tức nói tịnh sáu căn.

Người Hồ nói "ba la mật" (3), người Hán nói "đạt bỉ ngạn", tức đến bờ bên kia.

Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhuộm sáu trần, tức qua sông phiền não, đến bờ Bồ đề, nên gọi là sáu ba la mật.

*

Hỏi: Như kinh nói, ba giới tụ tịnh tức là "Nguyện thế đoạn tất cả điều dữ, thế tu tất cả điều lành, thế độ tất cả chúng sanh", nay nói chỉ cần chế ngự tâm ba độc, há chẳng trái với nghĩa văn sao?

Đáp: Lời Phật nói kinh là lời chân thực. Nhân đối với ba độc, chư Bồ tát tu hành trong thời quá khứ phát ba thế nguyện là:

- Nguyên đoạn tất cả điều dữ, nên luôn giữ giới đối xử với tham độc.
 - Nguyên tu tất cả điều lành, nên luôn tập định đối xử với sân độc.
 - Nguyên độ tất cả chúng sanh, nên luôn tu huệ đối xử với si độc.
- Do giữ ba tịnh pháp giới, định, huệ nên vượt được lên ba độc mà thành Phật đạo.
- Điều dữ dứt mất, đó gọi là "đoạn".
 - Điều lành sẵn đủ, đó gọi là "tu".
 - Đã đoạn dữ tu lành, ắt muôn hạnh đều thành tựu; lợi ta lợi người, cứu khổ khắp muôn sanh, đó gọi là "độ".
- Mới biết phép tu giới hạnh không thể lìa tâm. Nếu tâm thanh tịnh, ắt cả nước Phật đều thanh tịnh. Nên kinh nói:

*Tâm đực ắt chúng sanh đực,
Tâm tịnh ắt chúng sanh tịnh.
Muốn được tịnh độ, trước cần tịnh tâm,
Tùy tâm mình tịnh, xứ Phật tịnh theo,
Ba giới tự tịnh tự nhiên thành tựu.*

Hỏi: Như kinh nói, sáu ba la mật cũng gọi là sáu độ, tức là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là ba la mật, thì hiểu sao cho xuôi? Còn phép sáu độ, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Muốn tu sáu độ, nên tịnh sáu căn hàng sáu tên giặc:

- Xả được tên giặc mắt, lìa hết cảnh sắc, gọi là bố thí.
- Cắm được tên giặc tai, không buông lỏng theo thanh trần, gọi là trì giới.
- Cầm được tên giặc mũi, tự tại giữa hương thơm, gọi là nhẫn nhục.
- Ngăn được tên giặc lưỡi, không ham mùi vị, ngâm vịnh giảng văn, gọi là tinh tấn.
- Hàng được tên giặc thân, như nhiên chẳng xúc động, gọi là thiền định.
- Phục được tên giặc ý, chẳng buông theo vô minh, thường tu giác huệ, gọi là trí huệ.

Nói "độ", đưa qua, tức nói "vận", chuyển vận vậy. Thuyền bát nhã sáu ba la mật có khả năng chuyển vận chúng sanh đến bờ bên kia, nên gọi là sáu độ.

*

Hỏi: Kinh nói: khi còn là Bồ tát, Thích Ca Như Lai từng uống ba đấu sáu thăng nhũ mi (4) mới thành Phật đạo. Vậy, trước nhờ uống sữa, sau chứng quả Phật, há phải nhờ quán tâm mà được giải thoát ru?

Đáp: Nên thành thực nhận rằng, lời xưa nói "nhân vì uống sữa mới được thành Phật" chẳng hề luống dối. Nói Phật uống sữa, cần phân biệt hai thứ sữa. Sữa Phật uống chẳng phải là sữa vẫn đục của thế gian mà chính là sữa của pháp chân như thanh tịnh.

Nói ba đầu, tức ba giới tụ tịnh.
Nói sáu thẳng, tức sáu ba la mật.

Thành Phật là do uống sữa của pháp thanh tịnh ấy, mới chứng được quả Phật. Nếu nói Như Lai uống thứ sữa bò lèn mớ ươn hôi vẫn đục của thế gian, há chẳng chê bai một cách lầm lẫn ư?

Tánh chân như tợ như chất kim cương bất diệt; còn pháp thân thì không tỳ vết, vĩnh viễn lìa tất cả đau khổ của thế gian, há dùng thứ sữa vẫn đục ấy đỡ đói khát được sao?

Theo lời kinh nói, bò ấy chẳng ở vùng cao, chẳng ở vùng thấp, chẳng ăn lúa thóc tạp nhạp, chẳng cùng bày với bò khác.

... Nói bò ấy, tức là Phật Tỳ Lô Giá Na vậy, đem lòng đại từ đại bi thương xót tất cả, nên từ nơi pháp thể thanh tịnh ứng ra thứ sữa pháp vi diệu của ba giới tụ tịnh, sáu ba la mật hầu nuôi nấng tất cả những người cầu đạo giải thoát. Như vậy, loại bò chân tịnh ấy, loại sữa thanh tịnh ấy, không những riêng Như Lai uống xong là thành đạo, mà tất cả chúng sanh ai uống được vẫn đắc quả chánh đẳng chánh giác như thường.

*

Hỏi: Như kinh nói, Phật khiến chúng sanh xây dựng già lam, đúc tạc hình tượng, đốt hương rắc hoa, chong đèn sáng mãi, đêm ngày sáu chữ, nhiều tháp hành đạo, lễ bái chay lạt, đủ thứ công đức mới thành Phật đạo. Nếu chỉ lấy phép quán tâm thâm nhiếp các hạnh, nói như vậy e có ngoa chăng?

Đáp: Phật nói kinh dùng vô số phương tiện, nhắm vào tất cả chúng sanh căn trí cùn lụt, ươn hèn, không đủ sức lãnh hội nghĩa sâu, nên mượn pháp hữu vi làm tỉ dụ cho pháp vô vi.

Nếu không tu nội hạnh mà chỉ cầu ở ngoài, mong làm thánh, cầu được phước, không đâu có được.

Nói "già lam" ấy là người Tây Thiên Trúc nói, ở đây dịch là thanh tịnh địa, tức đất trong sạch, chùa chiền vậy.

Nếu vĩnh viễn trừ ba độc, tịnh sáu căn, thân tâm vắng không, trong ngoài ngưng lặng, đó gọi là xây dựng già lam.

Nói "đúc tạc hình tượng", tức đó là tất cả chúng sanh cầu Phật đạo, cần tu các giác hạnh, phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há phải đâu chỉ là việc đúc vàng tạc đồng tầm thường! Bởi vậy, người cầu đạo giải thoát phải lấy thanh mình làm lò, lấy pháp làm lửa, lấy trí huệ làm tay thợ khéo, lấy ba giới tụ tịnh sáu ba la mật làm khuôn phép, nấu chảy và rèn đúc chất chân như Phật tánh ở trong thân cho thấm nhập khắp tất cả hình thức giới luật, y lời dạy vâng làm, mỗi mỗi không hở sót, thì tự nhiên thành tựu hình tướng của chân dung. Hình tướng đó đích thực là pháp thân thường trụ vi diệu và cùng tột, há phải đâu là pháp thân hữu vi hư đốn sao?

Người cầu đạo không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì bằng vào đâu mở miệng nói công đức?

Việc đốt hương, nào phải hương hình tướng của thế gian, mà chính là hương của pháp vô vi, xông lên các thứ dơ xấu khiến cho nghiệp dữ vô minh thấy đều tiêu mất.

Hương chánh pháp ấy kể năm thứ:

- Một là hương giới: gọi thế vì nó có thể dứt mọi điều dữ, tu mọi điều lành.
- Hai là hương định: gọi thế vì nó tin sâu pháp đại thừa, lòng không chùn nản.
- Ba là hương huệ: gọi thế vì lúc nào ở bên trong tâm cũng tự xét.
- Bốn là hương giải thoát: gọi thế vì nó có thể dứt tất cả mê mờ trói buộc.
- Năm là hương giải thoát tri kiến: gọi thế là vì lúc nào nó cũng quán chiếu sáng soi, suốt thông không ngại.

Đó là năm thứ hương, gọi là hương tối thượng, thế gian không gì sánh được.

Khi còn tại thế, Phật khiến các đệ tử lấy lửa trí huệ đốt thứ hương báu không giá ấy để dâng cúng chư Phật mười phương. Chúng sanh ngày nay không rõ nghĩa chân thật của Như lai, đem lửa ngoài đốt gỗ trầm của thế tục, xông thứ hương vật chất lên mong phước cầu thánh, thì sao được ư?

Việc rắc hoa nghĩa cũng như vậy, ấy là diễn nói pháp chánh. Hoa công đức ấy gây lợi ích nhiều cho giống hữu tình, gieo rắc thấm nhuần tất cả, tự nơi chánh chân như bồ thí khắp cùng khiến cho tất cả trang nghiêm. Thứ hoa công đức Phật xung tán ấy không bao giờ héo rụng, rớt ráo thường trụ.

Ai rắc thứ hoa ấy được phước không cùng. Bằng nói Như lai bảo chúng sanh chặt cành bứt nhánh lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cây cỏ, điều ấy không đâu có vậy. Vì lẽ sao?

Vì đã giữ tịnh giới thì muôn tượng um tùm trong trời đất đều chẳng nên đụng chạm đến. Nếu lầm chạm phải, đã mắc tội nặng rồi, huống nữa nay còn cố ý hủy phá tịnh giới, gây hại cho muôn vật để cầu phước báu, muốn được thêm cho mình lại hóa thành mất bớt đi, há có thể như vậy được sao?

Nói xông đèn sáng mãi, đó là tâm chánh giác vậy.

Sức sáng tỏ của tánh giác dụ như ngọn đèn. Cho nên người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm thân đèn, lấy tâm mình làm tim đèn, thêm vào giới hạnh làm dầu đốt đèn.

Trí huệ sáng tỏ dụ như ngọn đèn thường cháy. Đó là đèn chánh giác, chiếu phá tất cả mờ tối mê si, có thể dùng pháp luân ấy truyền trao mở sáng cho nhau. Tức một ngọn đèn mỗi qua trăm ngàn đèn, đèn đèn không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.

Trong quá khứ có Phật tên Nhiên Đăng cũng theo nghĩa đốt đèn ấy vậy. Chúng sanh ngu si không hiểu lời nói phương tiện của Như lai, chuyên làm điều luống dối, mê chấp hữu vi, đốt lên ngọn đèn dầu của thế gian đem soi vào căn nhà trống, lại xưng là y theo lời Phật dạy, há chẳng quấy lắm ru?

Bởi có sao vậy?

Phật phóng một đạo hào quang giữa đôi mi chiếu suốt tám vạn bốn ngàn thế giới, huống là đèn dầu hư giả được lợi ích như vậy sao? Xét kỹ lẽ ấy, tự nhiên không thể được như vậy!

Sáu giờ hành đạo là nói nơi sáu căn, bất cứ lúc nào cũng đi con đường Phật, cũng tu các giới hạnh, cũng ngăn phòng sáu căn, không lúc nào buông, đó gọi là sáu giới hành đạo.

Phàm nói nhiều tháp hành đạo thì "tháp" tức là "thân" vậy, cần tu giác hạnh xét quán thân tâm, niệm niệm chẳng dừng, đó gọi là "nhiều tháp" tức đi quanh tháp vậy.

Thánh nhân thưở trước đều đi theo đường ấy cho tới Niết bàn. Người đời nay chẳng rõ lẽ ấy, trong chẳng tự hành, ngoài lại chấp cầu, đem thân vật chất ra nhiều tháp thế gian, đêm ngày loanh quanh, chuốc nỗi nhọc nhằn vô lối, không ích gì cho chân tánh cả.

Còn trì trai ấy cần hiểu rõ, nếu không thông đạt ắt uổng công tu.

Nói "trai" là chay, tức nói "tê" là sắp xếp vậy: sắp xếp thân tâm cho thẳng (tê chánh), đừng cho cong vạy.

Nói "trì" là giữ, tức nói "hộ" là giúp: ở nơi giới hạnh cứ theo pháp mà hộ trì, ngoài cấm sáu tình, trong ngăn ba độc, siêng năng tỉnh xét, thân tâm thanh tịnh. Có hiểu như vậy mới là chay lạt.

Còn ăn cũng có năm thứ ăn:

- Một là ăn thức vui của pháp - pháp hỷ thực - đó tức là y giữ chánh pháp, vui mừng vâng làm.

- Hai là ăn thức ngon của thiên - thiên duyệt thực - đó tức là trong ngoài lọc sạch, thân và tâm vui đẹp.

- Ba là ăn thức ăn của niệm - niệm thực - đó tức là thường niệm chư Phật, tâm và miệng hợp nhau.

- Bốn là ăn thức ăn của nguyện - nguyện thực - đó tức là trong lúc đứng, đi, nằm, ngồi luôn phát nguyện lành.

- Năm là ăn thức ăn của giải thoát - giải thoát thực - đó tức là tâm thường thanh tịnh, chẳng nhuốm bụi tục. Ăn năm món ăn ấy gọi là giữ giới chay lạt.

Người nào không ăn năm món ăn thanh tịnh như trên, mà cứ rêu rao là trai giới, thì không đâu có được... Đó chỉ là phá chay. Mà đã phá thì sao rằng phước được?

Kẻ mê trong đời không ngộ được lẽ ấy, thả lỏng thân tâm, làm đủ việc dữ, ham muốn bốn tình chẳng chút thẹn thùng. Chỉ dứt có ăn ngoài mà tự coi là chay lạt, thật không đâu có được.

Việc lễ bái thì nên biết pháp, như thế này: trong là lý phải sáng tỏ; ngoài là sự biết quyền nghi. Có hiểu được như vậy mới gọi là y pháp.

Phàm nói "lễ" tức nói "kính" nghĩa là coi trọng.

Phàm nói "bái" tức nói "phục" nghĩa là cúi xuống.

Sở dĩ thế vì có cung kính chân tánh, khuất phục vô minh, mới gọi là lễ bái.

Nếu dứt hẳn được ác tình, hằng gìn thiện niệm, tuy chẳng xứng tướng, ấy gọi là lễ bái.

Tướng ấy, tức là pháp tướng.

Thế Tôn muốn khiến cho thế tục tỏ lòng nhún thấp mới dạy lễ bái, tức là ngoài thì thân sụp xuống, trong thì lòng kính thêm, giác ngoài sáng trong, tánh tướng cùng hợp.

Nếu không làm theo lý pháp ấy mà chỉ chấp trước cầu ngoài, trong ắt buông lung theo tham si, mãi gây nghiệp dữ, ngoài ắt nhọc nhằn thân tướng mà chẳng ích gì, đội lốt uy nghi, không thẹn với thánh, dối gạt với phàm, chẳng khỏi luân hồi, há thành công đức được sao?

*

Hỏi: *Như lời kinh nói: "Đốc lòng niệm Phật, chắc được vãng sanh qua cõi Cực Lạc phương Tây, chỉ cần theo một cửa ấy tức được thành Phật", sao còn nói quán tâm để cầu giải thoát là gì?*

Đáp: Phàm nói niệm Phật, cốt cần niệm chánh. Rõ nghĩa là chánh, không rõ nghĩa là tà. Niệm chánh chắc được vãng sanh, niệm tà sao qua đó được? Nói "Phật" là nói "giác", tức tỉnh biết, tỉnh biết để thấy rõ chân tâm, đừng khiến niệm dữ lừng lên.

Nói "niệm" là nói "ức", tức gìn nhớ: gìn nhớ giữ giới hạnh, chẳng quên tinh tấn. Có hiểu như vậy mới gọi là niệm. Cho nên niệm cốt ở tâm, chẳng ở lời nói.

Mượn nôm đơm cá, được cá cần quên nôm.

Mượn lời cầu ý, được ý cần quên lời.

Đã xưng niệm Phật trên danh từ, nên biết niệm Phật trong đạo lý.

Nếu tâm không thực, thì miệng niệm tụng tiếng suông, ba độc chất chồng, nhân ngã chèn lấp.

Dem tâm vô minh hướng ngoài cầu Phật, nhọc sức ích gì.

Vả, tụng với niệm, nghĩa lý còn khác nhau xa.

Tại miệng, gọi là tụng.

Tại tâm, gọi là niệm.

Thế mới biết:

Niệm theo tâm khởi, đó là giác hạnh - cửa huyền.

Tịnh theo miệng ra, đó là âm thanh - tướng đối.

Nên biết chư thánh ngày xưa tu niệm Phật, phải đâu nói ngoài miệng, chính là tìm xét trong tâm.

Tâm là nguồn của mọi pháp lành.

Tâm là chủ của muôn công đức.

Niết bàn thường vui do tâm mà ra.

Ba cõi lăn lóc cũng theo tâm dậy.

Tâm là cửa, là ngõ của đạo xuất thế.

Tâm là bến, là ải của đạo giải thoát.

Cửa ngõ đã biết, há lo khó vào?

Bến ải đã rõ, há ngại chẳng thông?

Cho nên nhiếp tâm được thì trong chiếu soi; giác quán được thì ngoài tỏ sáng.

Dứt ba độc khiến ngàn thuở tiêu tan.

Nhốt sáu giác khiến bật đường phá rối.

Tự nhiên hằng sa công đức, thấy thấy trang nghiêm.

Vô số pháp môn mỗi mỗi thành tựu.

Vượt lên phàm, chứng vào thánh, mắt chẳng động xao.

Ngộ tại chốc liền, đợi gì lâu lắc.

Cửa chân sâu kín, thuật đủ được sao, đây chỉ trình bày sơ phép quán tâm đôi phần vậy.

Và kệ nói rằng:

1.- Ngã bốn cầu tâm tâm tự tri,
Cầu tâm bất đắc đãi tâm tri.
Phật tánh bất tòng tâm ngoại đắc,
Tâm sanh tiện thị tội sanh thì.

*Ta vốn cầu tâm tâm tự tri,
Cầu tâm chớ khá đợi tâm tri.
Tánh Phật ngoài tâm không chứng được,
Tâm sanh thì tội phát liền khi.*

2.- Ngã bốn cầu tâm bất cầu Phật,
Liễu tri tam giới không vô vật.
Nhược dục cầu Phật đản cầu tâm,
Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật.

*Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật,
Rõ ra ba cõi không một vật.
Ví muốn cầu Phật thà cầu tâm,
Chỉ tâm tâm tâm ấy tức Phật.*

GHI CHÚ:

(1) Người Tàu ngày xưa gọi làm chung một số sắc dân xung quanh nước Tàu là Hồ, rợ Hồ (Perse), như tiếng Ấn gọi là Hồ ngữ, sư Ấn gọi là Hồ tăng.

(2) Assamkhya.

(3) Paramita.

(4) Nhũ mi: chất tinh túy nhất rút ra từ chất sữa bò, dê, thường gọi là đề hồ (crème).

---o0o---

CỬA THỨ BA - NHỊ CHỦNG NHẬP

Phàm vào đạo có nhiều đường nhưng nói cho cùng thì không ngoài hai đường này:

Một là lý nhập.

Hai là hạnh nhập.

- I -

LÝ NHẬP là mượn "giáo" để ngộ vào "tông", tin sâu rằng tất cả sanh linh đều chung đồng một chân tánh, chỉ vì khách trần bên ngoài và vọng tưởng bên trong che lấp nên chân tánh không hiển lộ được.

Nếu bỏ vọng về chân, tinh thần ngưng trụ như vách đá (1) thì không thấy có ta có người, thánh phàm một bụi như nhau; nếu một bụi kiên cố không lay chuyển, rốt cùng không lệ thuộc vào văn giáo, được như thế tức ngầm hợp với lý, hết ý niệm phân biệt.

Vô vi một cách vắng lặng và hồn nhiên gọi là lý nhập

---o0o---

- II -

HẠNH NHẬP là nói về bốn hạnh, ngoài ra các hạnh khác đều bao gồm trong ấy.

Bốn hạnh là gì?

- Một là báo oán hạnh.
- Hai là tùy duyên hạnh.
- Ba là vô sở cầu hạnh.
- Bốn là xứng pháp hạnh.

1.- Sao gọi là **BÁO OÁN HẠNH**?

Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vậy:

"Ta từ bao kiếp trước buông lung không học, bỏ gốc theo ngọn, trôi dạt theo vật chất, nặng lòng thương ghét, gây hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ đã gieo từ trước tới nay kết trái chín, điều ấy nào phải do trời hoặc người tạo ra đâu, vậy ta đành nhẫn nhục chịu khổ đừng nên oán trách".

Kinh nói: "Gặp khổ không buồn.

Vì sao vậy? Vì thấu suốt (luật nhân quả) vậy.

Khi tâm ấy đã sanh (2) ấy là ứng hợp với lý.

Mượn oán mà hành đạo nên nói là hạnh trả oán.

2.- Hai là **TÙY DUYÊN HẠNH**

Chúng sanh đều do duyên nghiệp chuyển thành, chẳng có cái tôi. Mọi nỗi khổ vui đều do nhân duyên sanh. Nếu nay được quả báo tốt, hưởng đủ vinh dự, ấy là do nhân lành thọ trước cảm nên, nay mới được vậy. Hết hết duyên thì lại hoàn không, mừng vui nỗi gì? Được mất đều tùy theo duyên, nhưng tâm người không vì vậy được thêm hoặc bớt mất.

Nếu thấu đáo được vậy thì gió vui chẳng động, lặng lẽ mà thuận đạo, nên nói là hạnh tùy thuận theo duyên nghiệp.

3.- Ba là VÔ SỞ CẦU HẠNH

Người đời mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước thế gọi là cầu.

Bậc trí ngộ được lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên tâm an trụ ở vô vi, thân hình tùy nghi vận chuyển.

Muôn vật đều là không, có gì vui mà cầu được.

Hễ có công đức thì liền có hắc ám đuổi theo.

Có thân ắt khổ, được gì mà vui?

Ở lâu trong ba cõi khác nào như trong nhà lửa.

Có thân ắt khổ, được gì mà vui?

Thông suốt được như vậy, ắt buông hết sự vật, dứt tướng chẳng cầu.

Kinh nói: "Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui".

Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh, nên nói là hạnh không cầu mong.

4.- Bốn là XỨNG PHÁP HẠNH

Cái lý thanh tịnh của tự tánh gọi là pháp.

Tin hiểu lý ấy thì mọi hình tướng hóa thành không, không nhiễm không trước, không bị, không thử.

Kinh nói: Pháp không có chúng sanh, hãy lia chúng sanh cầu. Pháp không có tướng ngã, hãy lia ngã cầu.

Bậc trí tin hiểu được vậy thì tùy xứng theo pháp mà hành.

Bốn thể của Pháp vốn không tham lẫn, cho nên dù đem thân mạng và của cải ra bố thí vẫn không hối tiếc. Thấu rõ ba cái không (3) thì không còn ý lại và chấp trước. Chỉ cần gạt trừ trần cấu, tùy nghi giáo hóa chúng sanh, nhưng không mắc phải hình tướng, thế là tự hành, đã lợi người lại thêm trang nghiêm đạo Bồ đề. Bố thí đã vậy thì năm độ (Bát nhã) khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng mà hành phép tu sáu độ, nhưng thật không có gì gọi là hành cả nên nói là hành tùy xứng theo pháp.

Kệ rằng:

Ngoại tức chư duyên,
Nội tâm vô đoạn.
Tâm như tường bích,
Khả dĩ nhập đạo.
Minh Phật tâm tông,
Đẳng vô sai ngộ.
Hành giải tương ưng,
Danh chi viết tổ.

Nghĩa:

*Ngoài bứt muôn duyên,
Trong bật nghĩ tường.
Tâm như tường vách,
Mới là vào đạo.
Sáng Phật tâm tông, (4)
Thấy không sai ngộ.
Lấy hiểu hợp nhau,
Ấy gọi là Tổ.*

GHI CHÚ:

(1) Nguyên văn: ngưng trụ bích quán có nghĩa là lắng đọng trong cái định bích quán, cái định ấy không khác gì hơn là Tổ sư Thiên.

(2) Khi có được tư tưởng ấy.

(3) Ba không: không người cho, không người nhận, không vật bị cho; nói chung thì không ngã, không nhân, không vật mà chỉ có hành động.

(4) Lấy tâm Phật làm tông chỉ, tức là Thiên, đối với các pháp môn khác lấy lời nói của Phật làm tông chỉ gọi là Phật ngữ tông..

---o0o---

CỬA THỨ TƯ - AN TÂM PHÁP MÔN

Khi mê, người đuổi theo pháp.
Lúc tỉnh, pháp đuổi theo người.
Tỉnh, ấy tâm thức thâm nhiếp vật sắc.
Mê, ấy vật sắc thâm nhiếp tâm thức.

Chỉ một chút phân biệt cân nhắc của tâm là tự nơi mình mọi hiện tượng đều là mộng cả. Nếu nhận biết tâm mình vốn tịch diệt, không đâu là chỗ niệm, đó gọi là chánh giác.

Hỏi: Sao gọi là hiện lượng của tâm mình?

Đáp: Khi thấy các pháp là "có": có, nhưng chẳng phải tự nó có, nhân suy lường nên cho là có.

Khi thấy các pháp là "không": không, nhưng chẳng phải tự nó không, nhân suy lường nên cho là không.

Nói rộng ra thì tất cả đều như vậy cả, toàn do tâm mình suy lường ra mà cho là có, cho là không.

Còn người nào trót gây đủ thứ tội mà tự thấy vị pháp vương của chính mình, tức được giải thoát.

Tự trên "sự" vươn lên tỏ suốt, đó là hàng khí lực mạnh,

Tự trong "sự" thấy được pháp, người ấy đâu đâu cũng chẳng mất niệm.

Theo chữ nghĩa mà thông rõ, đó là người khí lực kém.

Sự tức là pháp, pháp tức là sự, ai rõ sâu lẽ ấy tự nhiên thuận theo mọi động tác của thân mình, thế tất người ấy chẳng ra pháp giới mà cũng chẳng vào pháp giới.

Nếu đem pháp vào pháp giới, đó là người si.

Hễ thấy có thi vi, rốt cũng không ra được tâm pháp giới.

Tại sao vậy? Vì thể của tâm tức là pháp giới vậy.

Hỏi: Người đời học hỏi đủ thứ, tại sao không được đạo?

Đáp: Vì người ấy còn tự thấy mình nên không được đạo. "Mình" ấy tức "Ta" vậy.

Bậc chí nhân gặp khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, vì không thấy có mình trong đó. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mất mình trong hư vô. Chính mình, mình còn quên, thì còn cái gì nữa mà chẳng quên được?

Hỏi: Các pháp đã là không thì dựa vào gì mà tu đạo?

Đáp: Nếu có dựa vào gì, thì cần tu đạo.

Nếu không có gì để dựa, tức chẳng cần tu đạo.

"Cái gì" tức "cái ta". Nếu không có cái ta thì đối với sự vật chẳng sanh lòng phải quấy.

Phải, chính là tự "ta" phải, mà vật thì chẳng phải.

Quấy, chính tự "ta" quấy, mà vật thì chẳng quấy.

Đổi tâm mà không tâm mới thông đạt đạo Phật.
Đổi vật không dấy lên cái thấy, mới là đạt đạo.
Đứng trước vật, người nào đạt thẳng biết suốt đến căn nguyên, tức người ấy mở thông mắt huệ.
Người trí tùy vật chẳng tùy mình, nên không có giữ bỏ, thuận nghịch.
Người ngu tùy mình chẳng tùy vật, nên có giữ bỏ, thuận nghịch.
Chẳng thấy gì hết, gọi là thấy đạo.
Chẳng làm gì hết, gọi là làm đạo.
Cho nên bất cứ đâu đâu, cũng như không đâu, bất cứ làm gì cũng như không làm, đó tức là thấy Phật.
Bằng thấy tướng ở đâu, tức thấy quý ở đó.
Vì giữ tướng nên đọa địa ngục.
Vì xét pháp nên được giải thoát.
Nếu thấy tướng, nhớ tướng, rồi phân biệt tức chịu mọi cảnh khổ lửa phỏng nước sôi, thấy hiện trước mắt tướng sanh tử.
Thấy tánh của pháp giới, tức là tánh của Niết bàn.
Không tướng nhớ phân biệt, tức là tánh pháp giới.
Tâm chẳng phải sắc nên chẳng phải có.
Dùng mắt vẫn không hết nên chẳng phải không.
Dùng mà vẫn thường không nên chẳng phải có.
Không mà vẫn dùng hoài nên chẳng phải không. Tức nói kệ rằng:

**1.- Tâm tâm tâm,
Nan khả tâm.
Khoan thời biến pháp giới,
Trách giả bất dung tâm.**

*Tâm tâm tâm,
Khó nói tâm.
Tung ra bao trùm pháp giới,
Thâu lại chẳng đầy mũi kim.*

**2.- Diệt bất đồ ác nhi sanh hiềm,
Diệt bất quán thiện nhi cần thố.
Diệt bất xả trí nhi cận ngu,
Diệt bất phao mê nhi tỵ ngộ.
Đạt đại đạo hề quá lượng,
Thông Phật tâm hề xuất độ.
Bất dữ phạm thánh đồng triền,
Siêu nhiên danh chi viết Tổ.**

*Cũng đừng thấy dữ mà sanh ghét,
Cũng đừng ham lành mà đâm mộ.
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu,
Cũng đừng buông mê mà cầu ngộ.
Được vậy thì:
Chứng đạo lớn hề rộng vô lượng,
Sáng Phật tâm hề lớn vô biên.
Chẳng cùng phàm thánh quàng xiêng,
Vượt hết mà lên gọi là Tổ.*

---o0o---

CỬA THỨ NĂM - NGỘ TÁNH LUẬN

Phàm là đạo, phải lấy sự tịch diệt làm thể, còn tu lấy sự lìa tướng làm tông.
Nên kinh nói: Tịch diệt là Bồ đề.
Diệt hết hình tướng đó:
Là Phật, nghĩa là giác.
Người có giác tâm, được đạo Bồ đề, nên gọi là Phật.
Kinh nói: lìa tất cả mọi hình tướng tức gọi là chư Phật.
Nên biết tướng là có tướng mà không tướng, không thể thấy bằng mắt, chỉ biết được bằng trí.
Ai nghe pháp ấy chợt phát lòng tin, là người ấy đang nương pháp đại thừa siêu lên ba cõi.

*

Ba cõi ấy là tham, sân, si vậy.
Chuyên ngược tham, sân, si làm giới, định, huệ tức gọi siêu lên ba cõi.
Tuy nhiên, tham, sân, si chẳng có thực tính, chỉ bằng vào chúng sanh mà đặt tên. Nếu có thể soi ngược trở lại thì sẽ thấy rõ:
Tánh của tham, sân, si tức là tánh Phật.
Ngoài tham, sân, si tuyệt nhiên không có tánh Phật nào khác.
Kinh nói: Từ vô thủy đến nay, chư Phật luôn luôn cư xử ở nơi ba độc, nuôi lớn trong bạch pháp, mà thành tựu ở quả Thế tôn.
Ba độc ấy là tham, sân, si vậy.

Nói đại thừa tối thượng thừa là nói chỗ sở hành của hàng Bồ Tát.
Không gì là chẳng thừa, mà cũng không gì gọi được là thừa, suốt ngày thừa mà chưa hề thừa, đó là Phật thừa.
Kinh nói: Lấy vô thừa làm Phật thừa vậy.

*

Nếu người biết sáu căn vốn không thực, năm uẩn chỉ giả danh, không thể dựa vào đâu cầu cạnh gì được, người ấy quả thông suốt lời Phật.
Kính nói: Hang ổ của năm uẩn là tên gọi của thiền viện.
Chiếu sáng bên trong mà mở thông suốt, tức là cửa đại thừa.
Chẳng nhớ tướng một pháp nào mới gọi là thiền định.
Ví hiều rõ lời ấy thì đứng, đi, nằm, ngồi thấy đều thiền định cả.

*

Biết tâm vốn không, đó gọi là thấy Phật.
Tại sao vậy?
Vì mười phương chư Phật đều nhân vì vô tâm chẳng thấy ở tâm, đó là thấy Phật.
Xả tâm không nuôi tiếc gọi là đại bố thí.
Lìa hết động và định gọi là đại tọa thiền.
Tại sao vậy?
Kẻ phạm mỗi mỗi đều hướng về động.
Hàng tiểu thừa mỗi mỗi đều hướng về định.
Vượt lên cái lầm hiểu động của phạm phu và hiểu định ngồi thiền của tiểu thừa mới gọi là đại tọa thiền.
Nếu có được sức lãnh hội ấy thì chẳng cần lìa mà tướng tự tự cõi bỏ, chẳng cần trị mà bệnh tự trừ, ấy đều là định lực của phép đại thiền.

*

Phạm đem tâm cầu pháp, ấy là mê.
Chẳng đem tâm cầu pháp, ấy là ngộ.
Chẳng mắc vào chữ nghĩa gọi là giải thoát.
Chẳng nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp.
Xuất lìa sanh tử gọi là xuất gia.
Chẳng chịu hậu hữu gọi là được đạo.
Chẳng nổi vọng tưởng gọi là Niết bàn.
Chẳng đối xử với vô minh gọi là trí huệ lớn.
Chỗ không phiền não gọi là Bát Niết bàn.
Chỗ không tướng gọi là bờ bên kia.

*

Khi mê thì có bờ bên này.

Khi ngộ thì không bờ bên này.

Tại sao vậy?

- Vì kẻ phàm phu mỗi mỗi đều xu hướng trụ ở bên này.

- Vì giác được phép tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ bên này cũng chẳng trụ bên kia, nên lia được cả hai bờ bên này và bên kia.

Nếu thấy bờ bên kia khác với bờ này, người ấy tâm chưa có thiền định.

*

Phiền não gọi là chúng sanh.

Tỏ ngộ gọi là Bồ đề.

Đó chẳng phải giống nhau mà cũng chẳng phải khác nhau, chỉ vì mê ngộ mà cách biệt nhau.

*

Khi mê thì thấy có thể gian cần thoát ra.

Khi ngộ thì không có thể gian nào để thoát ra cả.

*

Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phàm khác với thánh.

Kinh nói: Pháp bình đẳng ấy phàm phu không thể vào, bậc thánh cũng không thể hành được.

Pháp bình đẳng ấy chỉ có hàng Bồ tát lớn và chư Phật Như lai mới hành được.

Nếu thấy sống khác với chết, động khác với tịnh, đó gọi là chẳng bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với Niết bàn, ấy gọi là bình đẳng.

Tại sao vậy?

Vì phiền não với Niết bàn đều chung đồng một tánh không vậy.

*

Do đó, hàng tiểu thừa vọng dứt phiền não, vọng vào Niết bàn, nên trệ ở Niết bàn.

Hàng Bồ tát, trái lại biết rõ tánh không của phiền não, tức chẳng lia bỏ cái không, nên lúc nào cũng ở tại Niết bàn.

*

Phàm nói Niết bàn: Niết là không sanh, bàn là không tử.
Lìa ngoài sanh tử gọi là Bát Niết bàn.
Tâm không lại qua tức vào Niết bàn.
Nên biết Niết bàn tức là tâm không.
Chư Phật vào Niết bàn, tức vào cõi không vọng tưởng.
Bồ tát vào đạo tràng, tức vào cõi không phiền não.

*

Cõi vắng không ấy tức cõi không tham, sân, si.
Tham là cõi dục.
Sân là cõi sắc.
Si là cõi vô sắc.
Nếu bỗng chốc thoát sanh tâm, tức đi vào ba cõi.
Bỗng chốc thoát diệt tâm, tức ra ngoài ba cõi. Mới hay ba cõi sanh diệt,
muôn pháp có không đều do một tâm.

*

Hễ nói một tâm tựa hồ như phá vào thế giới vật chất vô tình của ngôi cây gỗ đá.
Nếu biết tâm chỉ là một tiếng gọi suông, không thực thể, tức biết tâm tự tịch
ấy chẳng phải có mà cũng chẳng phải không.
Tại sao vậy?
Vì phàm phu mỗi mỗi đều có xu hướng sanh tâm nên gọi là "có".
Hàng tiểu thừa, mỗi mỗi đều có xu hướng diệt tâm nên gọi là "không".
Hàng Bồ tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt tâm nên gọi là
"chẳng phải có tâm, chẳng phải không tâm".
Tâm chẳng có chẳng không gọi là trung đạo.
Bởi vậy đem tâm học pháp thì tâm pháp thấy đều mê.
Chẳng đem tâm học pháp ắt tâm pháp thấy đều ngộ.

*

Phàm mê là mê ở ngộ.
Còn ngộ là ngộ ở mê.
Bậc chánh kiến hiểu tâm vốn "không vô" tức vượt lên mê ngộ.
Không có mê ngộ mới gọi là chánh giác chánh kiến.

*

Sắc không thể tự là sắc, do tâm nên có sắc.
Tâm không thể tự là tâm, do sắc nên có tâm.
Cho nên hai tướng tâm và sắc đều có sanh diệt.

*

Nói "có" là do ở "không".
Nói "không" là không do ở "có".
Đó mới là thấy chân thực.
Phàm thấy thực thì không gì chẳng thấy mà cũng không gì không chẳng thấy, thấy khắp mười phương vẫn là chưa từng có thấy.
Tại sao vậy?
Vì không có gì để thấy, vì thấy cái không thấy, vì thấy cái chẳng phải là thấy.
Cái thấy của kẻ phàm đều là vọng tưởng.
Nếu tịch diệt không có thấy mới là thấy thực.

*

Tâm và cảnh đối nhau, thấy phát sanh từ thể đối đãi ấy.
Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh.
Cho nên tâm và cảnh có lắng hết cả hai thì mới gọi là chân kiến.
Và cái hiểu trong lúc ấy mới gọi là chánh kiến.

*

Chẳng thấy một pháp mới gọi là được đạo.
Chẳng hiểu một pháp mới gọi là hiểu pháp.
Tại sao vậy?
Vì thấy cùng chẳng thấy, đều chẳng thấy.
Hiểu cùng chẳng hiểu, đều chẳng hiểu.
Thấy cái chẳng thấy, mới là thấy thực.
Hiểu cái chẳng hiểu, mới là hiểu thực.
... Phàm có cái hiểu đều là chẳng hiểu.
Không có cái hiểu mới là thực hiểu.
Hiểu cùng chẳng hiểu đều chẳng phải hiểu.
Kinh nói: chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.
Lấy tâm làm không thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là chân cả.
Chấp tâm là có thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng cả.

*

Khi hiểu rồi thì pháp đuổi theo người.
Khi chưa hiểu thì người đuổi theo pháp.
Nếu pháp đuổi theo người, pháp hóa thành chẳng phải là pháp.
Nếu người đuổi theo pháp, thì pháp pháp đều là vọng.
Nếu pháp đuổi theo người thì pháp pháp đều là chân.

Cho nên bậc thánh:

- Cũng chẳng đem tâm cầu pháp.
- Cũng chẳng đem pháp cầu tâm.
- Cũng chẳng đem tâm cầu tâm.
- Cũng chẳng đem pháp cầu pháp.

Vì thế tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm, tâm và pháp tịch cả hai nên lúc nào cũng ở trong định.

*

Tâm của chúng sanh sanh ắt pháp Phật diệt.
Tâm của chúng sanh diệt ắt pháp Phật sanh.
Tâm sanh ắt chân pháp diệt.
Tâm diệt ắt chơn pháp sanh.

*

... Khi mê thì (thấy) có tội.
Khi hiểu thì (thấy) không có tội.
Tại sao vậy?
Vì tội tánh vốn không.
Khi mê thì không tội thấy có tội.
Nếu hiểu rồi thì đối tội thấy không tội.
Tại sao vậy?
Kinh nói: Muôn pháp đều không tự tánh, cứ dùng nó dùng ngờ, ngờ tức thành tội.
Tại sao vậy?
Vì tội do nghi ngờ sanh ra.
Nếu thấu suốt được lẽ ấy thì bao nhiêu tội nghiệp đời trước đều tiêu tan hết.

*

Khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.
Khi ngộ thì sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết bàn không sanh tử.
Người dốc lòng tu chớ cầu đạo ở bên ngoài.
Tại sao vậy?
Vì tâm tức là đạo vậy.

*

Khi được tâm rồi, mới hay không tâm nào có thể được.
Khi được đạo rồi, mới hay không đạo nào có thể được.
Nếu nói đem tâm ra cầu được đạo, đó gọi là tà kiến.

*

Khi mê thì Phật có pháp.
Ngộ rồi thì không Phật không pháp.
Tại sao vậy?
Vì ngộ tức là Phật pháp.

*

... Khi mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc.
Khi tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng đều là giải thoát.
Mắt không dính sắc thì mắt là cửa thiên.
Tai không dính tiếng thì tai là cửa thiên.
Nói gom lại hết, thấy được tánh của sắc thì lúc nào cũng là giải thoát.
Thấy tướng của sắc thì lúc nào cũng là trói buộc.
Không vì phiền não mà trói buộc, tức gọi giải thoát, ngoài ra không có sự giải thoát nào khác.
Khéo quán xét sắc thì rõ ràng sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức sắc và tâm cả hai đều thanh tịnh.

*

Khi không vọng tưởng thì một tâm là một cõi Phật.
Khi có vọng tưởng thì một tâm là một địa ngục.
Chúng sanh xây dựng vọng tưởng, đem tâm sanh tâm, nên lúc nào cũng ở trong địa ngục
Nếu không đem tâm sanh tâm thì tâm tâm quay về không, niệm niệm trở về tịnh, vào đủ nước Phật, đến đủ nước Phật.
Nếu đem tâm sanh tâm thì tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm hướng động, vào

đủ địa ngục, qua đủ địa ngục.

Nếu một thoáng tâm dấy lên, ắt có thiện ác hai nghiệp, có thiên đường địa ngục.

Nếu một thoáng tâm không dấy lên, ắt không thiện ác hai nghiệp, cũng không thiên đường địa ngục.

*

... Thánh nhân vốn không tâm, nên trong thì trống rỗng bao la, cùng với hư không chẳng khác.

Khi tâm được Niết bàn tức thấy chẳng có Niết bàn.

Tại sao vậy?

Vì tâm là Niết bàn.

Nếu ngoài tâm thấy có Niết bàn, đó là mắc phải tà kiến.

*

Tất cả phiền não là hột giống Như lai, vì nhân có phiền não mới có được trí huệ.

Ta chỉ nên nói phiền não "sanh" Như lai, không thể nói phiền não "là" Như lai.

Cho nên cần lấy thân tâm làm ruộng rẫy, phiền não làm hột giống, trí huệ làm mầm mống, còn Như lai ví như lúa thóc.

*

Phật ở trong tâm như (trâm) hương ở trong cây.

Phiền não nếu hết thì Phật theo tâm ra.

Vỏ mục nếu hết thì hương theo cây ra.

Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật.

Nếu ngoài cây có hương, tức là hương ngoài của cây khác.

Nếu ngoài tâm có Phật, tức là Phật ngoài của ai khác.

Trong tâm có ba độc, đó gọi là quốc độ dơ xấu.

Trong tâm không có ba độc, đó gọi là quốc độ thanh tịnh.

Kinh nói: Nếu khiến cho quốc độ đục vẫn dơ xấu cứ dấy đầy lên, rồi chur Phật Thế Tôn sẽ từ trong đó xuất hiện, điều ấy không đâu có được.

Cái vẫn đục dơ xấu tức là ba độc vô minh.

Chur Phật Thế Tôn tức là tâm thanh tịnh giác ngộ.

*

Tất cả sự nói năng, không gì chẳng là pháp Phật.
Nếu tự mình không có lời nói thì nói suốt ngày vẫn là đạo.
Nếu tự mình có lời nói thì im suốt ngày vẫn chẳng là đạo.
Cho nên Như lai lời nói không nương theo im lặng, im lặng không nương theo lời nói, lời nói không lìa im lặng, nói và im đều ở trong tam muội cả.
Nếu biết mà nói thì lời nói cũng là giải thoát.
Nếu không biết mà im lặng thì im lặng cũng trói buộc.
Cho nên nói mà lìa tướng thì lời nói gọi là giải thoát.
Còn im lặng mà dính tướng thì im lặng là trói buộc.

*

Lìa tâm không Phật.
Lìa Phật không tâm.
Cũng như lìa nước không băng.
Cũng như lìa băng không nước.
Nói "lìa tâm không Phật" chẳng phải xa lìa tâm, mà khiến đừng chấp vào hình tướng của tâm.
Kinh nói: "Không thấy tướng gọi là thấy Phật", tức là lìa hình tướng của tâm.
"Lìa Phật không tâm" là nói Phật từ tâm ra. Tâm có thể sanh Phật, nên Phật theo tâm sanh, nhưng Phật chưa hề sanh ra tâm bao giờ.

*

Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh ở cá.
Cho nên muốn xem cá, cá chưa thấy mà trước hết đã thấy nước.
Cũng vậy, muốn xem Phật, Phật chưa thấy mà trước hết đã thấy tâm.
Mới biết cá thấy rồi cần quên nước.
Phật thấy rồi cần quên tâm.
Nếu không quên được tâm thì sẽ vì tâm mà làm nữa.
Nếu không quên được nước thì sẽ vì nước mà mê nữa.

*

Chúng sanh với Bồ đề cũng như nước với băng.
Vì ba độc nung đốt nên gọi là chúng sanh.
Vì ba giải thoát gội sạch nên gọi là Bồ đề.
Vì đóng lạnh trong tiết đông nên gọi là băng.
Vì tan chảy trong lửa hè nên gọi là nước.
Nếu bỏ băng, thì không có nước nào khác.

Nếu bỏ chúng sanh, thì không có Bồ đề nào khác.
Đủ rõ tánh của băng tức là tánh của nước.
Tánh của nước tức là tánh của băng.
Cũng vậy, tánh của chúng sanh tức là tánh của Bồ đề.
Chúng sanh với Bồ đề đều chung nhau một tánh.
Cũng như hai vị thuốc ô đầu và phụ tử đều chung một gốc, chỉ vì thời tiết mà khác nhau. Cũng vậy, mê ngộ hai cảnh khác nhau nên có hai tên gọi chúng sanh và Bồ đề.
Rắn hóa thành rỗng vẫn không đổi vậy.
Phàm biến thành thánh vẫn không thay mặt.
Mới hay tâm ấy, trong trí huệ chiếu; thân ấy, ngoài giới luật vững.

*

Chúng sanh độ Phật.
Phật độ chúng sanh.
Vậy gọi là bình đẳng.
Chúng sanh độ Phật: phiền não nầy sanh tỏ ngộ.
Phật độ chúng sanh: tỏ ngộ phá trừ phiền não.

*

... Khi mê thì Phật độ chúng sanh.
Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật.
Tại sao vậy?
Vì Phật không thể tự thành, đều do chúng sanh độ nên vậy.

*

Chư Phật lấy vô minh làm cha, lấy tham ái làm mẹ.
Vô minh và tham ái đều là tên gọi khác của chúng sanh.
Chúng sanh với vô minh cũng như tay trái với tay mặt, rốt cùng chẳng khác nhau.

*

Khi mê thì ở bờ bên này.
Khi ngộ thì ở bờ bên kia.
Vì biết tâm vốn là không thì chẳng thấy tướng, ắt lia cả mê và ngộ.
Mê ngộ đã lia, ắt không bờ bên kia.
Như lai không ở bờ bên này, cũng không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng.

Ở giữa dòng: tiểu thừa.
Ở bờ bên này: phàm phu.
Ở bờ bên kia: Bồ tát.

*

Phật có ba thân: hóa thân, báo thân và pháp thân.
Nếu chúng sanh luôn luôn làm theo các căn lành: tức hóa thân hiện.
Tu trí huệ: tức báo thân hiện.
Giác vô vi: tức pháp thân hiện.
Bay lướt mười phương, tùy nghi cứu độ: Phật hoá thân.
Dứt mê hoặc, tu thiện pháp, thành đạo trên núi Tuyết: Phật báo thân.
Không lời không nói, vắng lặng thường trụ: Phật pháp thân.
Luận cho cùng lẽ thì một Phật còn chẳng có hướng là ba.
Nói ba thân là dựa theo căn trí của con người có thượng, trung, hạ.
Người hạ trí bồn chồn vọng cầu phước, vọng thấy hóa thân Phật.
Người trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy báo thân Phật.
Người thượng trí vọng chứng Bồ đề, vọng thấy pháp thân Phật.
Người thượng trí vắng lặng tròn đầy soi chiếu bên trong, sáng tâm tức Phật, chẳng đợi tâm mà được Phật.
Thế mới biết ba thân cùng muôn pháp đều không giữ được, không nói được, đó tức là tâm tự nhiên giải thoát, thành tựu đạo lớn.
Kinh nói: "Phật chẳng nói pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ đề" là như vậy.

*

Chúng sanh tạo nghiệp.
Nghiệp tạo chúng sanh.
Đời nay tạo nghiệp.
Đời sau chịu quả báo, thủa nào thoát khỏi.
Bậc chí nhân ở trong thân này, không tạo các nghiệp, nên chẳng chịu báo.
Kinh nói: "Các nghiệp chẳng tạo, tự nhiên được đạo" hà lời nói suông ru!
Người tạo ra nghiệp.
Nghiệp không thể tạo ra người.
Người nếu tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh.
Người nếu không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt.
Mới biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.
Nếu người không tạo nghiệp, tức nghiệp chẳng do người sanh.
Cũng như người có thể nâng đạo, đạo không thể nâng người.

Kẻ phàm phu ngày nay luôn luôn tạo nghiệp, lại nói bừa là không có quả báo, há chẳng khó nghe sao?

Luận cho cùng lẽ: tâm trước tạo, tâm sau báo, đời nào thoát được?

Nếu tâm trước không tạo, tức tâm sau không báo, vậy còn vọng thấy nghiệp báo được sao?

Kinh nói: Tuy tin cả Phật, lại nói Phật khổ hạnh, đó là tà kiến.

Tuy tin cả Phật, lại nói Phật bị quả báo đói ăn lúa ngựa, grom vàng đâm chân, đó gọi là lòng tin chưa trọn đủ, là nhất xiển đề.

*

Người hiểu pháp thánh gọi là thánh nhơn.

Người hiểu pháp phàm gọi là phàm phu.

Chỉ cần xả pháp phàm thành pháp thánh, tức phàm phu thành thánh nhơn.

Kẻ ngu trong đời chỉ mong cầu thánh viễn vọng, chẳng tin rằng chính tâm huệ giải là thánh nhơn.

Kinh nói: Đối với người vô trí đừng nói kinh này.

Kinh này là tâm, là pháp vậy.

Người vô trí không tin chính tâm sáng tỏ được pháp này làm thành bậc thánh. Họ chỉ mải cầu xa, học ngoài, mền chuộng hình tượng Phật ngoài trời, cùng ánh sáng hương sắc đủ thứ, toàn là việc làm đọa tà kiến, mất tâm, cùn trí.

Kinh nói: Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như lai.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy do một tâm mà móng dậy.

Nếu trong lắng hết tâm tướng, giống như hư không, tức tự trong thân tâm xa lìa hết tám vạn bốn ngàn căn bệnh phiền não. Phàm phu đang sống sợ chết, vừa no lo đói, thật quá đời mê hoặc. Cho nên bậc chí nhân chẳng tính việc đã qua, chẳng lo việc chưa đến, không xáo động việc bây giờ, niệm niệm trở về đạo. Kệ đêm ngồi tịnh rằng:

NHẤT CANH đoan tọa kiết già phu,

Di thần tịch chiếu hung đồng hư.

Khoáng kiếp do lai bất sanh diệt,

Hà tu sanh diệt diệt sanh cừ?

Nhất thiết chư pháp giai như huyễn,

Bôn tánh tự không na dụng trừ!

Nhược thức tâm tánh phi hình tượng,

Trạm nhiên bất động tự như như.

*Đoan trang CANH MỘT tịnh ngòi tu,
Tịch chiếu tinh thân tợ thái hư.
Muôn kiếp vốn không sanh với diệt,
Học đòi sanh diệt diệt gì u?
Gẫm xem các pháp trò ma ảo,
Tánh vốn là không uổng sức trì!
Viết biết tâm mình không tướng mạo,
Lặng im chẳng động tự như như.*

NHỊ CANH ngưng thân chuyển minh tịnh,
Bất khởi ức tướng chân như tính.
Sum la vạn tượng tịnh qui không,
Cánh chấp hữu không toàn thị bệnh.
Chư pháp bốn tự phi không hữu,
Phàm phu vọng tưởng luận tà chánh.
Nhược năng bất nhị kỳ cư hoại,
Thủy đạo tức phạm phi thị thánh,

*CANH HAI ngưng thân chuyển minh tịnh,
Chẳng tướng chẳng nhớ nhân như tính.
Um tùm muôn tượng trở về không,
Chấp có chấp không lại vẫn bệnh.
Các pháp như nhiên chẳng có không,
Phàm phu tưởng quấy bàn tà chánh.
Viết biết gìn lòng lẽ "chẳng hai".
Ai nói tức phạm chẳng phải thánh.*

TAM CANH tâm tịnh đẳng hư không,
Biển mẫn thập phương vô bất thông.
Sơn hà thạch bích vô năng chướng,
Hà sa thế giới tại kỳ trung.
Thế giới bốn tánh chân như tánh,
Diệc vô bốn tánh tức hàm dung.
Phi đản chư Phật năng như thử,
Hữu tình chi loại phổ giai đồng.

*CANH BA tâm tịnh sáng hư không,
Rộng khắp mười phương đâu chẳng thông.
Tường vách núi sông không ngăn ngại,
Bao la vũ trụ tự nơi trong.*

*Tánh của càn không là Phật tánh,
Cũng không bốn tánh tức hàm dung.
Nào phải riêng đâu chừ Phật được,
Hữu tình muôn loại vẫn chung đồng.*

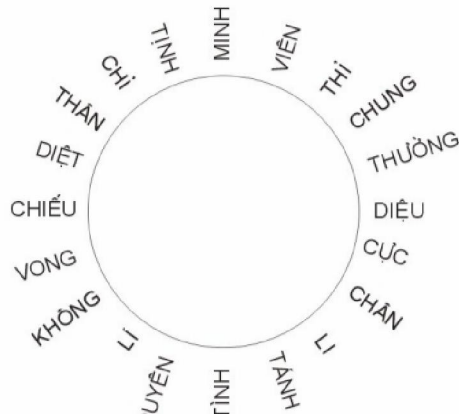
TỨ CANH vô diệt diệt vô sinh,
Lượng dữ hư không pháp giới bình.
Vô lai vô khứ vô khởi diệt,
Phi hữu phi vô phi ám minh.
Vô khởi chừ kiến Như lai kiến,
Vô danh khả danh chừ Phật danh.
Duy hữu ngộ giả ưng năng thức,
Vị hội chúng sanh do nhược manh.

*CANH TU không diệt cũng không sanh,
Rộng ví hư không pháp giới bình.
Không qua không lại không còn mất,
Chẳng có chẳng không chẳng ám minh.
Không vọng thấy gì: Như lai thấy,
Không gọi danh gì: chân Phật danh.
Ai có ngộ qua rồi mới hiểu,
Chúng sanh chưa rõ bởi thông manh.*

NGŨ CANH bát nhã chiếu vô biên,
Bất khởi nhất niệm lịch tam thiên.
Dục kiến chân như bình đẳng tánh,
Thậm vật sanh tâm tức mục tiền.
Diệu lý huyền ảo phi tâm trác,
Bất dụng trầm trục linh bì cực.
Nhược năng vô niệm tức chân cầu,
Cánh nhược hữu cầu hoàn bất thức.

*CANH NĂM bát nhã chiếu vô biên,
Chẳng khởi một niệm suốt tam thiên.
Muốn thấy chơn như bình đẳng tánh,
Khéo chớ sanh tâm trước mắt tiền.
Lẽ ấy diệu huyền không lượng được,
Dụng công đuổi bắt thêm nhọc sức.
Nếu không một niệm tức chân cầu,
Còn có tâm cầu chưa tỉnh thức.*

Tụng chân tánh rằng:



---o0o---

CỬA THỨ SÁU - HUYẾT MẠCH LUẬN

Ba cỗi dây lên cùng về một tâm.

Phật trước Phật sau đều lấy tâm truyền qua tâm, chẳng lập văn tự. Ba cỗi dây lên cùng về một tâm.

Phật trước Phật sau đều lấy tâm truyền qua tâm, chẳng lập văn tự.

Hỏi: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?

Đáp: Người hỏi ta, tức đó là tâm người.

Ta đáp người, tức đó là tâm ta.

Ta đáp người, tức đó là tâm ta.

Nếu ta không tâm, nhân đâu giải đáp cho người.

Nếu người không tâm, nhân đâu thưa hỏi ta.

Hỏi ta, tức là tâm người đó. Từ vô số kiếp kiếp âm u đến nay, tất cả hành vi động tác nào, bất cứ thời nào, bất cứ nơi đâu, đều do nơi bồn tâm của người, do nơi bồn Phật của người. Nói tâm là Phật thì cũng như vậy đó. Trừ tâm ấy ra, quyết không có Phật nào khác chứng được. Lìa tâm ấy ra mà tìm Bồ đề Niết bàn, không đâu có được. Cái chân thật của tự tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả.

Pháp tức là ý nghĩa của tâm.

Tự tâm là Bồ đề.

Tự tâm là Niết bàn.

Nếu nói ngoài tâm có thể chứng được Phật cùng Bồ đề Niết bàn, điều ấy không đâu có được.

Phật và Bồ đề ở tại đâu? Ví như có người dang tay đón bắt hư không, có thể nắm được không? Hư không chỉ là một tên gọi, tuyệt không tướng mạo, nên nắm chẳng được, buông chẳng được: không thể bắt cái không vậy. Cũng vậy, trừ tâm ấy ra tìm Phật, rốt chẳng tìm được. Phật là tự tâm tạo nên. Sao lại lia tâm tìm Phật. Cho nên Phật trước Phật sau chỉ nói đến tâm.

Tức tâm là Phật.

Phật tức là tâm.

Ngoài tâm không Phật.

Ngoài Phật không tâm.

Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở nơi nào?

Ngoài tâm vốn không Phật, sao còn vọng thấy Phật, lại lần lượt phỉnh gạt nhau, đã không rõ suốt tâm mình lại còn bị ngoại vật vô tình thâm nhiếp đến không còn chút tự do phân biệt nữa. Nếu người vẫn không tin điều ấy, là tự người phỉnh gạt người chứ có ích gì.

Phật không làm lỗi.

Chỉ vì chúng sanh điên đảo nên không tự giác tự tri được chính tâm mình là Phật.

Nếu biết tâm mình là Phật, thì chẳng nên tìm Phật ngoài tâm.

Phật chẳng độ Phật.

Đem tâm tìm Phật tức không hiểu Phật.

Kẻ nào tìm Phật ở ngoài, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết tâm mình là Phật.

Cũng đừng đem Phật ra lạy Phật.

Đừng đem tâm ra niệm Phật.

Phật chẳng tụng kinh.

Phật chẳng giữ giới.

Phật chẳng phạm giới.

Phật chẳng giữ chẳng phạm, cũng chẳng tạo lành, tạo dữ.

Nếu muốn tìm Phật phải cần thấy tánh.

Tánh tức Phật.

Nếu chẳng thấy tánh thì chạy lạy, giữ giới đều vô ích.

Niệm Phật thì được nhân tốt.

Tụng kinh thì được thông minh.

Giữ giới thì được sanh lên cõi trời.

Bồ thí thì được phước báo.

Nhưng tìm Phật bằng những cách ấy quyết chẳng được vậy.
Nếu tự mình không sáng tỏ, cần tham vấn các bậc thiện trí thức để thấu rõ nguồn gốc sanh tử.
Nếu không thấy tánh thì chẳng được gọi là thiện trí thức.
Nếu chẳng được vậy thì phỏng có giảng nói được mười hai bộ kinh vẫn không thoát khỏi vòng sanh tử, vẫn chịu nổi khổ trong ba cõi không hẹn ngày ra.

Xưa có Tỳ kheo Thiện Tinh (1) tụng lầu lầu mười hai bộ kinh, nhưng vẫn không thoát sanh tử luân hồi, chỉ vì không thấy tánh. Thiện Tinh kia còn vậy, huống nữa người đời nay mới giảng được năm ba bộ kinh đã coi đó là pháp Phật thì là kẻ ngu vậy. Nếu không thấu rõ được tự tâm thì tụng đọc kinh sách gì cũng chỉ là hư văn, không dùng vào đâu được.

Nếu cốt tìm Phật, trực tiếp cần thấy tánh.
Tánh tức là Phật.
Phật là người tự tại, là người vô tác.

Nếu không thấy tánh thì suốt ngày lăng xăng cầu cạnh, tìm kiếm Phật ở ngoài, đời nào gặp được, dù rằng rốt cuộc không một vật nào khá hơn. Nếu cần thông hiểu nên tham vấn bậc thiện trí thức, nên thiết tha mà tu, công khó mà cầu, đem tâm hội giải lớn vấn đề lớn về sanh tử, đừng bỏ trôi suông, tự phỉnh mình vô ích. Ví châu báu chất cao như núi, bà con nhiều như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, nhắm mắt thấy gì đâu? Mới hay mọi pháp hữu vi đều là mộng mị. Nếu chẳng gặp tìm thầy, ắt uổng kiếp sống buông xuôi trong khi tánh Phật mình vẫn sẵn có.

Nếu không nhờ thầy, quyết chẳng sáng tỏ được.

Không thầy mà ngộ, điều ấy hiếm lắm.

Nếu tự mình nhờ cơ duyên tốt mà thông suốt được thánh ý, đó là hàng thẳng học, sanh ra đã biết.

Nếu chưa thông rõ, nên siêng năng khổ học, nương theo giáo phương (2) để chứng ngộ.

Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê trắng đen không phân rõ lại còn lêu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật chê pháp. Các vị ấy nói pháp như mưa: đó là ma nói, chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, học trò là dân ma. Kẻ mê mặc sức múa máy theo người, phút chốc đọa sanh tử. Đó là những người không thấy tánh xưng càn là Phật. Hạng chúng sanh

ấy phạm tội lớn, phỉ báng tất cả chúng sanh đưa vào vòng ma giới. Nếu không thấy tánh thì dù giới nói mười hai bộ kinh vẫn là ma nói. Đó là hàng bà con của nhà ma, chẳng phải học trò của nhà Phật. Đã chẳng phân rõ trắng đen, bồng vào đâu mà thoát sanh tử?

Nếu thấy tánh tức là Phật.

Không thấy tánh tức là chúng sanh.

Nếu lià tánh chúng sanh thì không có tánh Phật nào khác chứng được.

Phật nay tại nơi đâu?

Tánh chúng sanh tức là tánh Phật vậy.

Ngoài tánh không Phật.

Phật tức là tánh.

Trừ tánh ấy ra, không Phật nào có được.

Ngoài Phật, không tánh nào có được.

*

Hỏi: Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh, bố thí, giữ giới, tinh tấn, rộng ban điều phước lợi có thành Phật được không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Sao không được?

Đáp: Nếu có chút pháp nào chứng được thì đó là pháp hữu vi - pháp nhân quả, pháp thọ báo, pháp luân hồi. Không sáng tỏ lẽ sống chết, đời thuở nào thành được Phật đạo?

Thành Phật cần thấy tánh.

Nếu không thấy tánh thì nói gì về nhân quả vẫn chỉ là pháp ngoại đạo.

Nếu là Phật, chớ tập pháp ngoại đạo.

Phật là người không nghiệp, không nhân quả.

Nói có chút pháp nào đó có thể thành được quyết là phỉ báng Phật. Dựa vào đâu mà thành được chứ? Đó là sự chấp trước ở một "tâm", một "năng", một "giải", một "kiến", điều ấy Phật có hứa bao giờ đâu.

Phật không giữ, không phạm giới.

Tâm tánh vốn không cũng chẳng dơ sạch.

Các pháp đều không tu không chứng, không nhân không quả.

Phật chẳng giữ giới.

Phật chẳng tu hành.

Phật chẳng tạo dữ.

Phật chẳng tinh tấn

Phật chẳng biếng lười.

Phật là người vô tác.

Cho nên đem tâm trụ trước ra thấy Phật, không đâu hứa có vậy.

Phật chẳng là Phật. Nếu không thấy được nghĩa ấy thì bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, đều không tỏ được bản tâm. Nếu không thấy tánh thì bất cứ lúc nào, bất cứ nghĩ gì hoặc không nghĩ gì, đều là kẻ đại tội, là người si, đắm giữ cái không vô ký, ngầy ngật như người say, chẳng rõ phân tốt xấu. Nếu muốn tu pháp vô tác, trước cần thấy tánh, sau đó tự nhiên dứt lo. Nếu không thấy tánh mà thành được Phật đạo, không đâu có được. Có người phá bỏ lễ nhân quả, thẳng tay tạo nghiệp dữ, nói cần tất cả là không, tạo ác không gì hơn, hạng người ấy đọa địa ngục vô gián mãi mãi không hẹn ngày ra. Nếu là người trí, chớ có lối kiến giải như vậy.

*

Hỏi: Nếu trong bất kỳ lúc nào, bất cứ cử chỉ hành động nào cũng đều là tự tâm, sao trong khi mang sắc thân vô thường này tôi không thấy được bản tâm?

Đáp: Bản tâm luôn ở trước mắt, tại nơi không chịu thấy?

Hỏi: Tâm ở trước mắt sao tôi không thấy?

Sư hỏi: Người thường nằm mộng chứ?

Đáp: Thường nằm mộng.

Hỏi: Trong khi người nằm mộng thì đó là bản thân người chứ?

Đáp: Đúng là bản thân tôi.

Lại hỏi: Lời nói và việc làm của người trong lúc ấy có khác hay chẳng khác với chính người?

Đáp: Chẳng khác.

Sư nói: Nếu chẳng khác thì thân ấy tức là pháp thân người, pháp thân ấy tức là bản tâm người.

Tâm ấy từ vô số kiếp đến nay vẫn y như hiện giờ, chẳng sai khác, chưa từng có sống chết, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng qua chẳng lại, cũng không phải trái, cũng không tướng nam nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không thánh phàm, cũng không Phật không chúng sanh, không tu chứng, không nhân quả, không gân cốt, không tướng mạo, giống như hư không, nắm chẳng được, bỏ chẳng được, núi sông tường đá không ngăn nổi, ẩn hiện qua lại thần thông tự tại, vượt núi ngũ uẩn, qua dòng sanh tử, không một nghiệp nào trói buộc được pháp thân ấy.

Tâm ấy vi diệu khó thấy.

Tâm ấy chẳng giống sắc tâm.

Chính từ trong ánh sáng của tâm ấy ứng dụng lên tất cả hành động, tay đưa chân bước.

Cũng như hỏi về số cát sông Hằng thì ai trả lời được, đành trơ như người gỗ. Cũng vậy, tâm là thọ dụng của chính người, sao người không biết lại đi hỏi người khác?

Phật nói: Tất cả chúng sanh đều là người mê, do đó tạo nghiệp đọa vào dòng sanh tử, muốn thoát ra lại chìm xuống, chỉ vì không thấy tánh.

Ví chúng sanh không mê sao lại thắc mắc hỏi làm gì chuyện ấy không một ai giải đáp được? Tự tay mình đưa, chân mình bước sao mình không biết?

Mới hay thánh nhân chẳng sai lầm, chỉ tại người mê không tự sáng tỏ được. Mới hay lẽ khó tường ấy, chỉ mình Phật mới hiểu nổi, ngoài ra tất cả người, trời và các loài chúng sanh đều không sáng tỏ được.

Nếu trí huệ chiếu sáng tâm ấy, cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, mới hay tâm ấy không bị sanh tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được, nên gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất Tư Nghị, cũng

gọi là Thánh Đế, cũng gọi là Trường sanh bất tử, cũng gọi là Đại Tiên; tên gọi tuy khác nhau, bốn thể vẫn là một.

Thánh nhân phân biệt tất cả mà vẫn không lìa tự tâm.
Sức chứa rộng lớn của tâm ứng dụng không cùng: ứng vào mắt thấy màu, ứng vào tai nghe tiếng, ứng vào mũi ngửi mùi, ứng vào lưỡi biết vị, cho đến bất cứ cử động nào cũng đều là tự tâm cả.

...Sắc thân bốn đại tức là phiền não.
Phàm là sắc thân phải chịu sanh diệt.
Pháp thân thường trụ, nhưng không chỗ trụ.
Pháp thân Như lai hằng còn không đổi khác, nên kinh nói: Chúng sanh nên biết bốn tánh Phật vốn sẵn tự có đủ đó,
Ca Diếp chính là người ngộ được bốn tánh này.
Bốn tánh tức là tâm.
Tâm tức là tánh.
Tức chung đồng với tâm chư Phật.
Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm ấy.
Trừ tâm ấy ra, không Phật nào có thể được.
Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, cứ hướng ngoài cầu cạnh giữ gìn, suốt ngày lãng xả niệm Phật lạy Phật. Phật tại nơi đâu? Đừng nên có những lối thấy như vậy.
Chỉ cần biết tự tâm.
Ngoài tâm: rất không có Phật nào khác.
Kinh nói: Phàm cái gì có tướng đều là đối trá.
Lại nói: chính tại nơi đây mới là có Phật.
Tự tâm là Phật.
Đừng nên đem Phật lễ Phật như vậy.

Ví bồng dung hiện ra trước mắt tướng mạo Phật cùng Bồ tát, quyết đừng nên kính lạy.

Tâm mình vốn không tịch, không hề có những tướng mạo ấy.

Nếu giữ tướng tức là ma, rơi vào nẻo tà, chẳng qua đó là những bóng dáng do tâm dấy lên, đừng nên lễ lạy.

Người lạy ắt không biết.

Người biết ắt không lạy.

Lại ắt bị ma hớp. Sợ người học không hiểu nên ta giải rõ như vậy.
Trên thể tánh của chư Phật Như lai đều không có những tướng mạo ấy.

... Tâm mình vốn thanh tịnh: không đâu có thể có những tướng mạo như trên. Cho đến các loại tướng của thiên long, dạ xoa, quỷ thần, Đế thích, Phạm vương cũng chớ nên đem lòng kính trọng, cũng chớ sợ sệt.

Tâm mình vốn không tịch. Tất cả tướng mạo đều là vọng tưởng. Chớ nên giữ tướng.

Nếu mộng lòng thấy Phật, thấy pháp cùng các thứ tướng mạo của Phật, Bồ tát khởi lòng kính trọng, đó là tự mình đọa vào địa vị của chúng sanh.

*

Hỏi: Tại sao không nên bái lạy chư Phật và Bồ tát?

Đáp: Các loài thiên ma ba tuần, a tu la cũng có thể dùng phép thần thông tạo ra tướng mạo Bồ tát, biến hóa đủ cách, toàn là ngoại đạo, nào phải là Phật đâu.

Phật là tự tâm, chớ lầm bái lạy.

Phật là tiếng của nước Tây Thiên Trúc (Ấn Độ), tại đây (Trung Quốc) gọi là giác tánh.

Giác tức là linh giác: ứng đối với cơ duyên, tiếp xúc với sự vật (ứng cơ tiếp vật). Ngắc mảy nheo mắt, cử động tay chân, đều do tánh linh giác của chính mình.

Tánh tức là tâm.

Tâm tức là Phật.

Phật tức là đạo.

Đạo tức là thiên.

Chỉ một chữ thiên, thánh và phàm chẳng suy lường nổi.

Thấy thẳng tánh mình thì gọi là thiên.

Nếu chẳng thấy tánh, tức không phải thiên.

Dù có giỏi nói được ngàn kinh muôn luận mà không thấy tánh thì vẫn là phàm phu, chẳng phải là pháp Phật.

Đạo lớn kín sâu, không thể nói cho hiểu.

Kinh điển dựa vào đâu nói tới?

Chỉ cần thấy tánh dù không biết một chữ vẫn được đạo.

Thấy tánh tức là Phật.

Thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, chẳng có sạch dơ.

Sở dĩ có lời nói là vì thánh nhân nương theo tâm mà khởi dụng.

Dụng chỉ là một danh từ trống không. Lời nói kia còn chưa đạt tới thì mười hai bộ kinh bằng vào đâu đạt tới?

Đạo tự nó viên thành, chẳng dùng tu chứng.

Đạo chẳng phải thanh sắc nên vi diệu khó thấy.

Cũng như người uống nước, nóng lạnh tự mình biết, cũng vậy ta không thể hướng về người khác nói ra.

Chỉ Như Lai là thông suốt, ngoài ra các bậc người và trời đều không hiểu thấu.

Trí óc phạm phu với không đến, do đó mới chấp tướng, chẳng biết tâm mình xưa nay vốn không tịch.

Vọng chấp tướng cùng mọi pháp tức rơi vào ngoại đạo. Ví biết muôn pháp đều theo tâm sanh, ắt không nên chấp như thế. Chấp tức chẳng biết.

Nếu thấy được bốn tánh thì mười hai bộ kinh hóa thành chữ nghĩa suông.

Ngàn kinh muôn luận cốt mở sáng tâm.

Nếu thoát nghe đã hợp nhau rồi thì "giáo" còn dùng làm gì?

Nói cho cùng lý: giáo là lời nói, thật chẳng phải đạo.

Đạo vốn không lời.

Lời nói là vọng.

...Nếu thấy được tánh thì chẳng cần đọc kinh niệm Phật.

Học rộng biết nhiều nào có ích gì.

Vì lẽ dễ chuyển hôn mê cho thần thức nên mới có "giáo", lập ra cốt tiêu biểu cho tâm.

Nếu ý thức được tâm thì coi giáo làm gì?

Thánh nhân sống tự tại ngay giữa dòng sanh tử, ẩn hiện vào ra không định trước, không nghiệp nào trói buộc được.

Thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần thấy tánh thì mọi dư tập đều tiêu diệt tức thì, thần thức hết mờ; chỉ cần tiếp nhận thẳng là lãnh hội ngay; muốn thực lãnh hội đạo, chỉ cần tại đây, như bây giờ đừng chấp vào một pháp nào, cần dứt nghiệp dưỡng thần, thì dư tập cũng hết theo và tự nhiên trắng rõ chẳng cần dụng công phu.

Ngoại đạo không lãnh hội được ý Phật, dụng công nhiều quá, trái với thánh ý, suốt ngày lững đững niệm Phật, chuyển kinh, làm cho thần tánh mê mờ, chẳng khỏi luân hồi.

Phật là người an nhàn.

Ích gì bôn ba khắp nơi cầu danh lợi, để sau này dùng làm gì? Chỉ những người không thấy tánh mới khur khur lo tụng kinh niệm Phật, tinh tấn học

hoài, đêm ngày hành đạo, ngồi mãi không nằm, học rộng nghe nhiều, lấy đó làm pháp Phật, đó toàn là hạng người chê Phật chê pháp.

Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh.

Muôn vật đều vô thường.

Nếu không thấy tánh lại nói càn rằng "ta được quả chánh đẳng chánh giác", ấy là kẻ đại tội.

Trong hàng mười đệ tử lớn của Phật, ngài A Nan là "đệ nhất đa văn", ở với Phật mà không thông hiểu gì hết, chỉ cốt học nhiều.

Hạng Thanh văn và Duyên giác, cùng ngoại đạo cũng không hiểu Phật, chấp vào mấy từng tu chứng, đọa vào nhân quả, chịu báo chúng sanh, không tỏ sanh tử, đi ngược ý Phật, đó là chê bai Phật, tội không gì hơn.

Kinh nói: Người xiển đề không phát sanh tín tâm, tội không gì hơn.

Ai có tín tâm, tức kẻ ấy là Phật ở địa vị người.

Lành dữ tự nhiên, nhân quả phân rõ, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt. Người tu không tin, hiện tại mắc giữa địa ngục tối đen mà vẫn không hay biết, vì duyên nghiệp nặng nề, do không có tín tâm. Tỉ như người mù không tin có ánh sáng. Ví có ai nói cho nghe cũng không tin, chỉ vì họ mù mắt, nên bồng vào đâu mà nhận có ánh sáng mặt trời? Kẻ ngu cũng như vậy. Hiện tại, họ đọa làm thân súc sanh đủ loại, sanh ở nơi nghèo cùng, thấp hèn, cầu sống không được, cầu chết không xong. Mặc dù chịu khổ như vậy, mà hỏi đến thì nói rằng ta nay rất vui khoái lắm, khác gì ở thiên đường. Mới biết tất cả chúng sanh đều lấy lối sống khổ làm vui mà không hay biết gì, chỉ vì nghiệp chướng nặng nề, nên không thể phát tín tâm, không thể tự mình mà chỉ do người.

Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu.

Hàng áo trắng (1) vẫn là Phật.

Nếu không thấy tánh, cắt tóc cạo râu, vẫn là ngoại đạo.

*

Hỏi: Hàng áo trắng có vợ con, dâm dục không trừ, bồng vào đâu thành Phật được?

Đáp: Tôi chỉ nói thấy tánh, chẳng nói dâm dục. Chỉ cần thấy được tánh mới vỡ lẽ rằng từ vô thi dâm dục vẫn là không tịch, chẳng có gì phải đối trá dứt trừ, mà cũng chẳng mắc vào dục lạc. Tại sao vậy? Vì tánh của mình vốn thanh tịnh, dù nó trụ ở sắc thân năm uẩn. Tánh ấy bỗng lai thanh tịnh, không gì có thể nhuộm dơ được. Pháp thân bỗng lai tự nó có, không do ai ban cho,

không đói khát, không lạnh nóng, không bệnh, không ân ái, không bà con, không khổ vui, không xấu tốt, không dài ngắn, không mạnh yếu. Bỏ lại không một vật nào khác được, vì chấp có sắc thân này nên mới có đủ tướng nóng lạnh, đói khát, chứng bệnh đủ thứ. Nếu chẳng chấp thì mặc tình đi đứng, được tự tại giữa dòng sông chết, chuyển vận tất cả pháp, cùng với thánh nhân tự tại vô ngại như nhau, không đâu chẳng an.

... Nếu thấy tánh, chiêm đà la (2) cũng thành Phật được.

*

Hỏi: *Chiêm đà la gây nghiệp giết chóc, sao gọi là thành Phật được?*

Đáp: Tôi nói thấy tánh, chẳng nói gây nghiệp. Tuy nghiệp gây ra chẳng đồng nhau, nhưng dù sao vẫn không một nghiệp nào ràng buộc được "nó" (tánh). Từ vô lượng kiếp đến nay, vì không thấy tánh nên đọa vào địa ngục, do gây nghiệp sanh tử luân hồi.

Nếu ngộ được bỏn tánh, rốt cùng vẫn không có gì gọi là gây nghiệp.

Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, rõ báo kia còn chẳng được, huống nữa luận về chuyện giết mạng sống.

Nếu thấy được tánh thì mọi ngờ vực trong tâm phút chốc trừ ngay, thì việc giết mạng sống còn nêu lên làm sao được?

Trời Tây hăm tám Tổ sư Thiên đều lần lượt truyền tâm ấn cho nhau.

Ta nay tới xứ này cũng chỉ vì truyền một tâm ấy không luận về giới thí, tinh tấn, khổ hạnh, cả đến việc vào nước lửa, lên lười gươm, chay lạt ngày một lần, ngồi hoài không nằm, thấy thấy chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Ví ý thức được tánh linh giác của chính mình trong mọi cử động hành vi, tức ý thức được tâm Phật. Phật trước Phật sau chỉ nói pháp truyền tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu thấu rõ pháp ấy thì phàm phu ngu dốt không biết một chữ cũng vẫn là Phật.

Nếu không thấu rõ tánh linh giác của chính mình thì dù đem thân này nghiền nát ra thành vô số bụi bặm để cầu tìm Phật, rốt chẳng được vậy.

Phật ấy cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bỏn tâm.

Tâm ấy không có hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, tựa như hư không, không thể nắm được, không chung đồng với vật chất, với ngoại đạo.

Tâm ấy chỉ mình Như lai lãnh hội được, kỳ dư không ai sánh tở nổi. Tâm ấy không lia ngoài sắc thân bốn đại. Nếu lia tâm ấy, tức không còn vận động gì được, vì đó là thân vô tri, khác gì cây cỏ ngói gạch.

Thân đã là vô tình, làm sao vận động được? Nếu tự tâm động, thì tất cả mọi ngữ ngôn, mọi hành vi cử động, mọi điều thấy nghe cảm biết đều là tâm động.

*

Tâm động dụng động,
Động tức là dụng.
Ngoài động không tâm,
Ngoài tâm không động.
Động chẳng là tâm,
Tâm chẳng là động.
Động vốn không tâm,
Tâm vốn không động.
Động chẳng lia tâm,
Tâm chẳng lia động.
Động không tâm lia,
Tâm không động lia.
Động là tâm dụng,
Dụng là tâm động.
Tức động tức dụng,
Chẳng động chẳng dụng.
Dụng thể vốn không,
Không vốn không động.
Động dụng đồng tâm,
Tâm vốn không động.

Nên kinh nói: Động mà không có sở động.

Bởi vậy:

- Suốt ngày thấy mà chưa từng thấy.
- Suốt ngày nghe mà chưa từng nghe.
- Suốt ngày cảm mà chưa từng cảm.
- Suốt ngày ngày biết mà chưa từng biết.

- Suốt ngày đi, ngồi mà chưa từng đi, ngồi.
- Suốt ngày hờn vui mà chưa từng hờn vui.

Nên kinh nói: Lời nói làm cho đạo dứt, tâm động làm cho giác ngộ tiêu (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt).

Thấy, nghe, cảm, biết vốn tự nó viên tịch, cho đến mọi niềm giận vui cũng vậy.

... Nếu biết giận vui vẫn là tánh không thì chỉ cần dừng chấp tức thoát khỏi mọi nghiệp.

Nếu tụng kinh mà không thấy tánh, điều ấy quyết không bằng vào đâu cả, mà nói mấy vẫn không cùng.

Nếu sợ lẽ chánh tà trên, chẳng qua chỉ đôi phần thôi vậy.

*

Xin nói bài tụng vậy:

**1.- Ngô bản lai tư thổ,
Truyền pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ điệp,
Kết quả tự nhiên thành.**

*Ta cốt qua Trung thổ,
Truyền pháp cứu mê tình.
Một hoa năm cánh trở,
Tự nhiên trái kết thành. (3)*

**2.- Giang tra phân ngọc lãng,
Quảng cự khai kim tỏa.
Ngũ khẩu tương cộng hành,
Cửu thập vô bỉ ngã.**

*Bè lau rẽ sóng ngọc,
Đuốc sáp mở khóa vàng.
Năm miệng cùng nhau bước,
Chín mươi không ta người. (4)*

GHI CHÚ:

(1) Áo trắng: người tu tại nhà.

(2) Chiên đà la: hạng hèn mạt ở Ấn độ, coi như thú vật, ai thấy cũng phải

tránh sa sợ nhiễm dơ, chuyên sống về nghề hàng thịt, giết trâu bò.

(3) Bài kệ này báo trước hậu vận của đạo Thiên. Một hoa (hoa Ấn độ) là Bồ Đề Đạt Ma; năm cánh (cánh Trung hoa) là năm vị tổ kế tiếp truyền tâm ấn Phật: Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn và Huệ Năng. Sau Huệ Năng là thời kỳ "tự nhiên trái kết thành", thiên phong lên như vũ bão với các Sư Huyền Giác, Thạch Đầu, Bàng Uẩn, Mã Tổ, Lâm Tế v.v... không học mà ngộ, không tu mà chứng.

(4) Bài tụng này báo trước ngày Tổ Đạt Ma viên tịch. Ba câu chiết tự chữ NGÔ là ta, do chữ NGŨ (năm) - KHẤU (MIỆNG) thành chữ NGÔ (ta). Ý nói "ta" sẽ thâm thân vào cõi Niết bàn tịch diệt (vô bỉ ngã) vào ngày 9 (cửu) tháng 10 (thập), nhằm năm Bính Thìn (536) triều nhà Lương, năm Đại Thông thứ 2. Đó là ngày vía của Tổ Đạt Ma.

---o0o---

PHỤ LỤC

I. TIỂU SỬ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA



Tổ thứ 28 Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) là người nước Quốc Hương, thuộc Nam Thiên Trúc (Dekhan), tức Ấn Độ, con thứ ba của vua Chí Vương, dòng Sát đế ly, tên tục là Bồ Đề Đa La (Bodhitara). Nhân đến Quốc Hương thọ lễ cúng dường của nhà vua, Tổ thứ 27, Bát Nhã Đa La (Prajnâtara) gặp Bồ Đề Đa La, nhận thức ở vị hoàng tử này nhiều nét đặc biệt, mới thử bảo cùng hai anh biện luận về chữ Tâm. Thấy Bồ Đề Đa La phát minh được yếu điểm của tâm, Tổ mới kêu đến và nói: "Hoàng tử đối với chư pháp đã được thông lượng, mà Đạt Ma có nghĩa là thông đạt rộng lớn, vậy hoàng tử nên lấy tên là Bồ Đề Đạt Ma". Hoàng tử nhận và bái tổ thứ 27 làm thầy. Nhớ lời Tổ dặn phải xuất dương mới thành đạo nghiệp vĩ đại, Bồ Đề Đạt Ma vào độ gần tám mươi tuổi xuống thuyền ra khơi Nam Hải. Triều nhà Lương bên Trung Quốc, năm Phổ thông thứ 8, nhằm mùng một tháng mười năm Đinh Mùi (520) sau T.C.), thuyền đến Quảng Châu, thứ sử tỉnh này lấy lễ nghinh tiếp

và dâng biểu về triều báo tin. Lương Võ Đế sai sứ đi thỉnh về thành đô là Kim Lăng. Đế hỏi: - Trẫm từ lên ngôi đến nay, xây chùa, chép kinh, độ tăng không biết bao nhiêu mà kể. Vậy có công đức gì không? Sư Đạt Ma đáp:

- Đều không có công đức.

- Tại sao không công đức.

- Bởi vì những việc vua làm là nhân "hữu lậu", chỉ có những quả nhỏ trong vòng nhân thiên, như ảnh tùy hình, tuy có nhưng không phải thật.

- Vậy công đức chân thật là gì?

- Trí phải được thanh tịnh hoàn toàn. Thế phải được trống không vắng lặng, như vậy mới là công đức, và công đức này không thể lấy việc thế gian (như xây chùa, chép kinh, độ tăng) mà cầu được.

Vua lại hỏi:

- Nghĩa tốt của thánh đế là gì?

- Một khi tỉnh rõ, thông suốt rồi thì không có gì là thánh.

- Ai đang đối diện với trẫm đây?

- Tôi không biết.

Sau câu chuyện đối đáp này, Sư biết tâm vua không khế hợp được với pháp mình, vì vậy đến ngày 19 tháng 10 năm ấy, Sư về Giang Bắc, rồi tới 22 tháng 11 lại sang Lạc Dương. Đến đời Hậu Ngụy, vua Hiếu Dương, năm Thái Hòa thứ 10, Sư lên Tung Sơn vào chùa Thiếu Lâm, ngồi ngó vào vách, trọn ngày làm thình. Người đời không hiểu gì cả, gọi Sư là "Bích quán Bà la môn", nghĩa là ông Bà la môn ngó vách. Lúc bấy giờ có một vị Tăng, tên là Thần Quang, học rộng hiểu nhiều. Nghe danh Sư, Thần Quang đến Thiếu Lâm tự và đứng ngoài sân chùa chờ dịp yết kiến. Nhằm tiết đông thiên (mùng 9 tháng chạp), đến đêm tuyết xuống như mưa, cao quá đầu gối, Thần Quang vẫn trì chí đứng yên một chỗ. Sư thương tình, kêu hỏi:

- Ông đứng trong tuyết lâu như thế, ý muốn cầu gì?

Thần Quang khóc, bạch:

- Cúi xin Hòa thượng từ bi mở cửa cam lộ, rộng độ quần sanh.

- Diệu đạo của chư Phật phải nhiều kiếp tinh tấn, cần mẫn làm cho được những việc khó làm, nhẫn cho được những điều khó nhẫn, hàng đức nhỏ, trí nông, lòng đầy khinh khi, kiêu ngạo, há chịu nổi nhọc nhằn khổ cực sao mà muốn học phép chân thừa.

Thần Quang nghe Sư quở, bèn lấy dao bén, tự đoạn cánh tay trái, để chứng minh lòng thành khẩn cầu đạo của mình. Sư biết gặp được "pháp khí" (nghĩa là một khí dụng tốt để truyền bá chánh pháp).

Bèn nói:

- Chư Phật, lúc phát tâm cầu đạo, dám vì pháp bỏ thân, nay ông chặt tay trước mặt tôi, vậy ông muốn cầu gì?

Nói xong Sư bèn đổi tên Thần Quang ra Huệ Khả.

Thần Quang bạch:

- Có thể nghe pháp ấn của chư Phật chăng?

- Pháp ấn của chư Phật, không phải từng người mà được.

- Nhưng tâm tôi chưa được an bình thì làm thế nào? Xin Sư cho tâm tôi được an bình.

- Thì ông đưa tâm đây. Sư đáp, ta sẽ cho.

- Tôi tìm tâm mãi mà chưa được.

- Thế là ta đã an tâm cho người rồi.

Vua Hậu Ngụy Hiếu Minh nghe Sư có nhiều sự lạ lùng, sai sứ đến triệu trước sau ba lần, Sư đều từ không chịu xuống núi. Nhà vua càng đem lòng kính trọng và sai người đem đến ban cho Sư hai áo cà sa và một bình bát bằng vàng. Sư cũng từ ba phen, nhưng sau thấy nhà vua kiên tâm dâng cúng Sư mới nhận. Chín năm trôi qua, từ khi Sư đến Trung Quốc, Sư có ý muốn hồi hương, cho nên kêu các đệ tử nói: "Giờ ta ra đi sắp tới, vậy mỗi đệ tử hãy nói cho ta nghe sở đắc của mình".

Đạo Phó bạch:

- Theo chỗ thấy của tôi, muốn thấy đạo phải chẳng chấp văn tự, mà cũng chẳng lia văn tự.

Sư đáp:

- Ông được lớp da của tôi rồi.

Tổng trì Ni nói:

- Chỗ giải của tôi như cái mừng vui thấy nước Phật (tâm) bất động, thấy được một lần, sau không thấy lại nữa.

Sư nói:

- Bà được phần thịt của tôi rồi.

Đạo Dục, một đệ tử khác, bạch:

- Bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải thật có, vậy chỗ thấy của tôi là không một pháp nào khả được.

Sư đáp:

- Ông được bộ xương của tôi rồi.

Rốt hết, tới phiên Huệ Khả. Huệ Khả lễ bái Sư rồi đứng ngay một chỗ, không bạch không nói gì cả. Sư bảo:

- Ông được lớp mỡ trong ống xương tôi rồi.

Rồi ngó Huệ Khả, Sư nói tiếp:

- Xưa Như Lai trao "Chánh pháp nhãn tạng" cho Bồ tát Ca Diếp, từ Ca Diếp chánh pháp được liên tục truyền đến ta. Ta nay trao lại cho ngươi; nhà ngươi khá nắm giữ, luôn với áo cà sa để làm vật tin. Mỗi thứ tiêu biểu cho một việc, ngươi nên khá biết.

Huệ Khả bạch:

- Thỉnh Sư chỉ bảo cho.

Sư nói:

- Trong, truyền pháp ấn để khế chứng tâm; ngoài, trao cà sa để định tông chỉ. Đòi sau, trong cảnh cạnh tranh, nếu có người hỏi người con cái nhà ai, bằng vào đâu mà nói đắc pháp, lấy gì chứng minh, thì người đưa bài kệ của ta và áo cà sa ra làm bằng. Hai trăm năm sau khi ta diệt rồi, việc truyền y dừng lại. Chừng ấy, đâu đâu người hiểu đạo và nói lý rất nhiều, còn người hành đạo và thông lý rất ít, vậy người nên cố xiển dương đạo pháp, đừng khinh nhờn những người chưa ngộ. Bây giờ hãy nghe bài kệ của ta:

**Ngô bốn lai tư thổ,
Truyền pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ điệp,
Kết quả tự nhiên thành.**

Dịch:

*Ta đến đây với nguyện,
Truyền pháp cứu người mê.
Một hoa nở năm cánh,
Nụ trái trở ê hề.*

Sư lại nói thêm: "Ta có bộ kinh Lăng Già bốn cuốn, nay cũng giao luôn cho người, đó là đường vào tâm giới, giúp chúng sanh mở được cửa kho tri kiến của Phật. Ta từ Nam Ấn sang đến phương Đông này, thấy Xích Huyện Thần Châu có đại thừa khí tượng, cho nên vượt qua nhiều nơi, vì pháp tìm người. Nhưng bao nhiêu cuộc gặp gỡ không làm ta mất lòng, bắt đầc dĩ phải ừ hủ vậy thôi. Nay được người để truyền thọ y pháp, ý ta đã toại! Nói xong, Sư cùng đệ tử đến chùa Thiên Thánh lưu lại ba hôm.

Có người tên là Thành Thái, tự Dương Huyền, sớm mộ phương tu thành Phật, đến hỏi:

- Nghe Sư bên Tây Thiên, thừa tiếp pháp ấn làm Tổ, vậy xin dạy cho con biết con đường đưa đến vị Tổ như thế nào?

Sư đáp:

- Sáng rõ Phật là tâm, nói làm cho phù hợp, đó gọi là Tổ.

- Ngoài ra còn gì không?

- Nên sáng tâm người, biết rành kim cổ, chẳng chán có không, đối pháp chẳng nắm, chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ. Giải được như thế, đáng xưng là Tổ.

Thành Thái lại hỏi:

- Đệ tử lấy tâm quy y Tam bảo đã mấy năm rồi, nhưng trí huệ còn mù mờ, chân lý chưa rõ. Nay nghe được một ít lời Sư, biết rằng đệ tử đã làm lớn, cúi xin Sư từ bi khai mở đường tu cho.

Sư biết lòng Thành Thái đã đúng mức, liền nói bài kệ như sau:

**Diệt bất đồ ác nhi sanh hiềm,
Diệt bất quán thiện nhi cần thố.
Diệt bất xả trí nhi cận ngu,
Diệt bất phao mê nhi tỵ ngộ.
Đạt đại đạo hề quá lượng,
Thông đạt tâm hề xuất độ,
Bất dử thánh phàm đồng triền,
Siêu nhiên danh chi viết Tổ.**

Dịch:

*Cũng đừng thấy dữ mà sanh chê,
Cũng đừng thấy lành mà ái mộ.
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu,
Cũng đừng buông mê mà cầu ngộ.
Được vậy thì:
Đến đại đạo rộng vô lượng,
Thông Phật tâm muôn cứu độ.
Chẳng ước thánh phàm sánh vai,
Vượt trên đối đãi gọi là Tổ.*

Thành Thái nghe kệ nửa vui nửa xót, bạch:

- Xin Sư ở lâu thế gian để hóa đạo quần chúng hữu tình.

- Ta sắp đi đây, không thể ở lâu; người đời căn tánh muôn sai, ta đã gặp nhiều hoạn nạn rồi.

- Ai làm hại Sư, xin cho biết, đệ tử nguyện trừ.

- Ai đã đem bí mật của Phật ra truyền để lợi ích quần mê, nay hại người để mình an, làm sao có lý ấy đặng?!

- Sư chẳng nói, lấy gì tiêu biểu cho sức thông biết khắp cùng của Sư?

Sư không đáp, đọc một bài kệ sau đây có tính cách như một bài sấm:

**Giang tra phân ngọc lãng,
Quản cự khai kim tỏa.
Ngũ khẩu tương cộng hành,
Cửu thập vô bỉ ngã.**

Dịch:

*Thuyền lướt, chia sóng ngọc,
Đuốc nêu, mở khóa vàng.
Năm miệng đồng cùng khừ
Chín, mười hết ta, chàng.*

Thành Thái không hiểu gì cả, chỉ gặng ghi vào lòng rồi từ tạ lui gót.

Bài sấm của Sư, đương thời không ai độ được, nhưng về sau đã phù nghiệm, như chúng ta sẽ thấy.

Dưới thời nhà Ngụy, kẻ anh tài chống lại với Thiên môn rất nhiều, nào Quang Thống luật sư, nào Lưu Chi Tam Tạng... đều là bậc loan phụng trong hàng Tăng chúng. Thấy Sư luôn luôn lấy tâm làm trọng, các vị đã cùng Sư luận nghị mấy phen, nhiệt liệt ồn ào như ong vỡ tổ. Trong khi ấy, xa gần Sư đều cho nổi lên một ngọn huyền phong và đổ xuống một trận mưa pháp, chan rải khắp nơi, kết quả không sao lường được. Sự thành công vĩ vang này càng kích thích kẻ ác gia tâm dùng thuốc độc hại Sư.

Trên thực tế, Sư đã bị thuốc năm lần. Đến lần thứ sáu, thấy sứ mệnh hoàng pháp đã hoàn thành, công việc truyền pháp đã tìm ra người, Sư không tự cứu nữa, ngồi an nhiên tịch diệt. Lúc ấy là năm Thái Hòa thứ 19 đời Hiếu Minh Hậu Ngụy, nhằm ngày mùng 9 tháng 10 năm Bính Thìn, tức năm Đại Thông thứ 2 triều nhà Lương. Đến ngày 18 tháng chạp cùng năm, nhục thể của Sư được nhập tháp tại chùa Định Lâm, núi Hùng Nhĩ. Thật là đúng như lời sấm của Sư, câu "ngũ khẩu tương cộng hành" có nghĩa là "ngô tương hành", vì ghép chữ NGŨ trên chữ KHẨU thì thành chữ NGÔ, và câu này có nghĩa là

"Ta sẽ đi". Còn câu chót "cửu thập vô bỉ ngã" quả là Sư đã nói trước ngày viên tịch: mồng chín (cửu) tháng mười (thập).

Ba năm sau, Tống Vân quan nhà Ngụy, đi sứ Tây Vực về, gặp Sư Đạt Ma tại ngọn Thông Lãnh. Thấy Sư tay cầm một chiếc dép, một mình đi mau như bay, Tống Vân hỏi:

- Sư đi đâu đó?

Sư đáp:

- Ta về Tây phương.

Rồi Sư lại nói thêm: "Chủ của Ông đã chán đời rồi".

Ngẩn ngơ, Tống Vân từ giả Sư và hấp tấp về phục mạng, thì ra vua Minh Đế đã thăng hà. Tống Vân tâu việc gặp Sư lên vua Hiếu Trang mới tức vị. Vua ra lệnh quật mồ. Trong quan tài không có gì cả, ngoài một chiếc dép da. Các quan lãnh lĩnh khám nghiệm hết sức kinh ngạc và thán phục. Vua sắc đưa chiếc dép của Sư lưu lại về chùa Thiếu Lâm thờ. Đền đời Khai Nguyên năm thứ 15 nhà Đường, nhằm năm Đinh Mão hàng thiện tín lại dời báu vật về chùa Hoa Nghiêm, đến nay không biết còn mất và ở đâu.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma được nhà vua phong là Viên Giác Thiên Sư, còn ngọn tháp của Tổ gọi là Không Quán. Thiên tông Trung Hoa tôn Tổ làm Sơ Tổ.

CHÁNH TRÍ

(Viết theo sách Truyền Đăng Lục)

---o0o---

II. CĂN BẢN PHÁP của THIÊN ĐẠT MA ***Phật Quả Viên Ngộ bình xướng***

CỬ (1):

Lương Võ Đế hỏi đại sư Đạt Ma: "Thế nào là thánh đế đệ nhất nghĩa?" (2)

Đạt Ma đáp: "Quách nhiên vô thánh". (3)

Đế nói: "Đối mặt trẫm là ai?"

Ma đáp: "Không biết".

Võ Đế không khế hợp được. Ma bèn băng sông qua đất Ngụy.

Sau Võ Đế đem câu chuyện ấy hỏi lại Hòa thượng Chí Công. Công nói: "Bây giờ bệ hạ biết người ấy là ai chưa?" Đế đáp: "Không biết".

Công nói: "Đó là đại sĩ Quán Âm truyền tâm ấn Phật".
Đế ăn năn, sai sứ đi thỉnh, nhưng Ma không trở lại.

*

Đạt Ma xa trông xứ này có chân khí đại thừa bèn phăng phăng cỡi sóng sang đây truyền riêng tâm ấn, vạch rõ bùn mê, mở pháp "Chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật". Nếu bằng vào cái thấy ấy được thì mặc thích tự do, chẳng buông theo ngữ ngôn chuyên, vỡ tung ra mà hiện thành, có thể tùy tiện cùng Võ Đế, đối đàm ngang vai với nhị Tổ (Huệ Khả) xử phép an tâm; đó là cái thấy tự nhiên, chẳng tính toán so đo, tình trần một đao dứt tuyệt, thanh thoát láng láng, hà tất phân phải phân trái, luận mất luận còn. Đành là như vậy, nhưng dễ có mấy ai?

Võ Đế từng đắp cà sa, tự giảng kinh Phóng Quang Bát Nhã, cảm đến hoa trời ngổn ngang rơi xuống đất hóa vàng, biện đạo nêu Phật, dạy bảo thiên hạ, cất chùa độ tăng, dựa theo giáo nghĩa (4) tu hành, người người tôn là vị thiên tử có tâm Phật.

Thoạt tiên gặp Đạt Ma, Võ Đế hỏi: "Trẫm cất chùa độ tăng, có công đức gì?" Ma đáp: "Không công đức". ...

Võ Đế cùng với pháp sư Lô Ước, đại sĩ Đạo Phó và thái tử Chiêu Minh trì luận chân tục hai đế, căn cứ theo giáo nghĩa thì chân đế biện minh cái chẳng phải có (phi hữu), tục đế biện minh cái chẳng phải không (phi vô), chân tục chẳng phải hai, tức thánh đế đệ nhất nghĩa. Đó là chỗ cực diệu cùng huyền của hàng giáo gia. Võ Đế bèn đem điềm cực tặc ấy hỏi Đạt Ma: "Thế nào là thánh đế đệ nhất nghĩa?" Ma đáp: "Quách nhiên vô thánh". Hàng nạp tăng trong thiên hạ chạy đầu cho khỏi. Đạt Ma vì ai một đao dứt tuyệt hết rồi!

Ngũ Tổ tiên sư (Hoàng Nhẫn) nói: chỉ mấy chữ quách nhiên vô thánh ấy, ai thấu suốt được về nhà ngồi yên. Đó là chỗ kỳ đặc của Đạt Ma một mực đánh thẳng vào khối cát đặng (5), chẳng ngại vì người đập nát thùng sơn (6). Nên nói: tham suốt được một câu thì ngàn câu vạn câu đồng thời suốt, ngồi đâu yên đó, nắm gì vững nấy. Người xưa nói:

Thịt nát xương tan chữa đèn xong,
Một câu siêu thoát ngàn ức kiếp.

Võ Đế không tỉnh, lại đem kiến giải nhân ngã hỏi: "Đối mặt trẫm là ai?". Đạt Ma rải lòng từ bi lân mẫn xoay qua nói: "Không biết". Đến đây thì hữu sự vô sự không nêu lên được nữa.

Đoạn hòa thượng có lời tụng vầy:

Nhất tiền tâm thường lạc nhất điều,
Cánh gia nhất tiền dĩ tương thiêu.
Trực qui Thiếu Thất phong tiền tọa,
Lương chúa hư ngôn cánh khứ chiêu.

*Tâm thường một mũi lạc chim điêu,
Mũi nữa bồi thêm đốt cháy tiêu.
Thiếu Thất thẳng lên ngôi vách đá,
Vua Lương thôi chớ thỉnh cùng kêu.*

Lại nói: Sao muôn gọi về? Đế chẳng khế hợp, lão hán thâm lặng qua sông sang Ngụy, chẳng lộ mặt, đi thẳng lên Thiếu Thất, chín năm diện bích, tiếp độ được Huệ Khả... Sau độ đến người thứ sáu, hóa duyên đã xong, truyền pháp đã có người, Sư không tự cứu nữa, đoạn ngồi nghiêm hóa êm, nhục thân táng tại chùa Định Lâm núi Hùng Nhĩ. Võ Đế hồi tưởng, tự soạn bia văn như sau:

Hỡi ôi!
Thấy như chẳng thấy
Gặp như chẳng gặp
Đối mặt như chẳng đối mặt.
Xưa đâu nay đâu
Oán bấy hận bấy.

Lại tán rằng:

Tâm có chẳng?
Khoáng kiếp uổng trệ phàm phu.
Tâm không chẳng?
Sát na sớm lên diệu giác.

BÍCH NHAM LỤC
(Quyển I, tác 1)

GHI CHÚ:

- (1) CỬ: nêu đề tài, đặt vấn đề.
- (2) Thánh đế đệ nhất nghĩa: Chân lý tối hậu của hàng thánh (arya sacca paramartha satya)
- (3) Quách nhiên vô thánh: tuyệt nhiên rỗng rang không thánh.
- (4) Giáo nghĩa: giáo học, chỉ vào các pháp môn Phật giáo lấy kinh làm thầy, căn cứ vào chữ nghĩa học hỏi, suy tư và tu hành; các pháp "môn học theo sự, hành theo tướng" có tên là ngữ tông, trái với thiên, vượt ngoài kinh sách, lấy tâm làm thầy, gọi là Tâm tông,
- (5) Cát đặng: Văn tự ngôn ngữ kiến thức.
- (6) Thùng sơn: Tất đồng, tượng trưng khối kiến thức chấp trước kết thành vô minh che mắt chân trí.

III. Trương Thiều Tề giảng thoại.

Về căn bản pháp của Thiên, thử quan sát trong bộ Bích Nham Tập, trước hết ta không thể không đề lên tấc (1) thứ nhất gọi là "thánh đế đệ nhất nghĩa". Thiết tưởng ý thú của Viên Ngộ soạn Bích Nham Tập qui thức ở tấc ấy, nên mới gọi là "đệ nhất tấc". Nhân lấy đó làm căn bản pháp của thiên, làm cơ bản dựng tông mở giáo, nên trước hết cần minh thị câu nói đầu tiên ấy của Đạt Ma khi đến xứ này.

... Điểm chủ yếu của tấc ấy nằm trong bốn chữ "Quách nhiên vô thánh". Lương Võ Đế hỏi về "thánh đế đệ nhất nghĩa", ấy là nhà vua lập cước ở nhị đế quan của Phật giáo, tức là chân tục hai đế của toàn thể Phật giáo giáo nghĩa. Đế có nghĩa là chân lý. Võ Đế hỏi về chân lý của chân đế trong hai đế trên; cái mà nhà vua gọi là đệ nhất nghĩa chẳng qua chỉ là chân lý của giáo nghĩa, chưa phải là chân lý của cảnh giới tự chứng, tự ngộ. Đạt Ma đáp là "Quách nhiên vô thánh", cốt bảo rằng căn bản pháp của thiên là "truyền riêng ngoài giáo" chứ không phải là thứ thánh đế như trong giáo học nói. Nên bốn chữ "quách nhiên vô thánh" có thể coi như minh thị xác đáng nhất căn bản pháp của đạo Thiên.

Lương Võ Đế hỏi về đệ nhất nghĩa, sao Đạt Ma đáp là "quách nhiên vô thánh"? Trước hết ta nên khảo sát ý nghĩa rất ráo của thuật ngữ "đệ nhất nghĩa". Kinh Lăng Già, tập I, phẩm 2, Nhất thiết pháp phẩm, nói:

Bồ tát Đại Huệ bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Có phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa? Có phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa". Phật bảo Đại Huệ: "Chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, mà cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất

nghĩa. Tại sao vậy? Cái gọi đệ nhất nghĩa là chỗ an vui, sở nhập của bậc thánh nói lên, đó là đệ nhất nghĩa, chứ chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa. Cái nghĩa đệ nhất ấy, là chỗ sở đắc của thánh trí tự tri, phải đâu là cảnh giới của ngôn thuyết vọng tưởng, nên ngôn thuyết vọng tưởng không hiển thị được đệ nhất nghĩa. Ngôn thuyết vốn do nhân duyên khởi, có sanh diệt, giao động, lãng xãng; đã là nhân duyên khởi thì không hiển thị được đệ nhất nghĩa.

Xét theo đó thì đệ nhất nghĩa là cái hiển minh tột bậc chân cảnh giới tự chứng ngộ của Phật đà, siêu việt cả phàm và thánh. Sở dĩ Đạt Ma đáp lại "quách nhiên vô thánh" chính là chỉ vào cảnh giới tự chứng tự ngộ. Võ Đế hỏi đệ nhất nghĩa, Đạt Ma đáp đệ nhất nghĩa, ý nghĩa chẳng đồng nhau. Người hỏi là hỏi đệ nhất nghĩa của chân đế trong nhị đế. Người đáp là đáp đệ nhất nghĩa của thánh trí tự giác của Phật đà. Cảnh giới tự giác vốn siêu việt cả chân tục hai đế, tức cảnh Niết bàn tuyệt đối, nên Võ Đế ngẩn ngơ không lãnh hội được.

Nhưng thử hỏi tại sao nêu lời đáp ấy làm cảnh giới tự chứng? Vì "quách nhiên vô thánh" là cảnh giới siêu việt tất cả phàm thánh, phải trái được mất, là cảnh giới thanh tịnh tự do vô ngại vậy.

Vậy tỏ rõ Đạt Ma đã đưa ra lời đáp chẳng qua cốt thị hiện cảnh giới tự chứng; đúng là Sư huy động thanh bi kiếm quách nhiên vô thánh, hướng thẳng vào Võ Đế xả mạnh một đường gươm trên khối cầu ý trần tình của giáo nghĩa và tri giải, thanh thoát lãng lãng đúng như lập trường cứu tế đề xướng ra; chính đó là điều ta cần ghi nhớ.

Trong bài bình xướng, Viên Ngộ có nói:

Võ Đế cùng với pháp sư Lâu Ước, đại sĩ Đạo Phó và thái tử Chiêu Minh trì luận chân tục hai đế. Căn cứ theo giáo nghĩa thì chân đế làm sáng tỏ cái phi hữu, tục đế làm sáng tỏ cái phi vô; chân tục chẳng hai, tức thánh đế đệ nhất nghĩa; đó là chỗ cực diệu cùng huyền của hàng giáo gia. Võ Đế bèn đem điểm cực tắc ấy hỏi Đạt Ma: "Thế nào là thánh đế đệ nhất nghĩa?" Ma đáp: "Quách nhiên vô thánh". Nạp tăng trong thiên hạ chạy đâu cho khỏi! Đạt Ma vì ai một đao dứt tuyệt hết rồi!

Ở đây, Viên Ngộ lấy trung đế làm thánh đế, căn cứ theo luận giải "bất chân không" của bộ Triệu Luận (2). Ta thử dẫn lời giải thích trong Du Già luận, phẩm chín mươi lăm nói:

Do hai duyên nên gọi là đế: một là pháp tánh, hai là thắng giải; người ngu có cái trước không có cái sau, bậc thánh đủ cả hai, riêng gọi là thánh đế. Chiếu theo đó, rốt ráo gọi thánh đế là nói về cảnh giới sở chứng của thánh nhân.

Song le bộ Quảng Hoằng Minh tập nói:

Thái tử Lương Chiêu Minh nói : cái gọi là hai đế, một là chân đế, hai là tục đế. Chân đế cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Tuy nhiên, dù luận bằng cách nào vẫn toàn là sở thuyết về diệu lý cao thâm của thuyết giáo. Đã là diệu lý thì trạm tịch là thể, hư dung là tánh, tuyệt nhiên không tướng không danh, tức không chấp nhận cho ta nghĩ bàn, nên Viên Ngộ nói đó là chỗ cực diệu cùng huyền. Võ Đế nắm lấy diệu lý ấy làm thành một quan niệm để hoang mang chấp lấy, rồi đem hỏi Đạt Ma, nên Đạt Ma đáp là quách nhiên vô thánh. Vì căn bản pháp của thiền chính là chặt đứt tất cả sở thuyết về diệu lý trong giáo nghĩa, vì thiền tự có cảnh giới tự do vô ngại riêng, siêu việt trên tất cả, tức là cảnh giới không Phật, không chúng sanh, không kim cổ. Cảnh giới ấy, tức là căn bản pháp của thiền.

Viên Ngộ nêu giá trị của cảnh giới ấy như sau:

Nên nói: tham suốt được một câu, thì ngàn câu vạn câu đồng thời suốt, tự nhiên ngồi đâu yên đó, nắm gì vững nấy. Người xưa nói:

*Thịt nát xương tan chưa đèn xong,
Một câu siêu thoát ngàn ức kiếp.*

Đó là nói: hễ tham quán câu quách nhiên vô thánh thấu suốt được thì dù đến trăm ức kiếp sanh tử luân hồi cũng siêu thoát xong, nơi pháp vị ngồi yên trên căn bản pháp, nắm lấy bản phận mình thành bậc "trên trời dưới trời mình ta tôn quý", thành bậc chúa tể của thế giới. Nói thế giới là thế giới của hiện thực lịch sử, thành lập từ bản thể tuyệt đối "vô" của những tác dụng vô tận của chính ta; đảm nhiệm những tác dụng ấy từ nơi cơ yếu là thành tựu nhân cách "vô" của bản thể tự giác, tuy ở trong thế giới mà vẫn siêu ngoài thế giới, hoạt dụng dọc ngang trong lịch sử mà vẫn sáng tạo ngoài lịch sử, nên gọi là chúa tể. Đó là cảnh giới cực tuyệt, có chứng đến đó mới gọi là được tôn giáo.

Thiền học giảng thoại (3)

GHI CHÚ:

- (1) Tác: đề mục diễn giảng, gọi chung là công án.
- (2) Triệu luận: tác phẩm của sư Tăng Triệu (384 - 414) cao đệ của pháp sư Cưu Ma La Thập, xuất hiện trước ngày mở giáo của đạo Thiên.
- (3): Đài Bắc, Kiến Khang thư cuộc ấn hành, Dân quốc 49.

---o0o---

BẠT - HUYỀN THOẠI BỒ ĐỀ ĐẠT MA

"Thiếu Thất cửu niên vô nhất ngữ"

Huệ Trung Trần Quốc Tăng

Tổ Đạt Ma cỡi sóng qua Đông Độ.

Tổ Đạt Ma vào đất Ngụy, đường đường như một kiếm khách chốn hải tân.

Tổ Đạt Ma "đơn đao trực nhập" triều đình Lương Võ Đế, nói pháp như chuyển sóng.

Tổ Đạt Ma chín năm trầm hùng ngồi nhìn vách đá chùa Thiếu Lâm.

Tổ Đạt Ma kỳ diệu ban pháp an tâm.

Tổ Đạt Ma cỡi bè lau về Thiên Trúc.

Tổ Đạt Ma xách một chiếc dép phi hành trên ngọn Thông Lãnh.

Tổ Đạt Ma... và Tổ Đạt Ma...

Bao nhiêu câu chuyện truyền kỳ kết hào quang đưa nhà sư mắt biếc đất Hồ (1) vào huyền sử.

Từ Tung Sơn, sừng sững bên vách đá chùa Thiếu Lâm, bóng người ngả dài suốt lịch sử Đông phương như một tượng trưng thuần túy của Đạo. Ngót mười lăm thế kỷ, lòng người còn nghe đồng vọng tiếng Người nói; chốn già lam còn nghe vang dội bước Người đi.

Người đi qua không gian, hiển hiện như chưa từng có. Tổ Đạt Ma đi qua không gian, hiển hiện như chưa từng không. Người đi thẳng vào sự thật, dẫm nát dư luận. Người đi thẳng vào lòng người, không mặt nạ.

Đối với Người, sự thật là sự thật, không được trả giá. Trả giá với sự thật là ký kết với ma. Con người đang đi xuống quá rồi, thế đạo đang nghiêng ngửa giữa sắc tướng, cần cấp thời chặn đứng đà tuột dốc; cần vươn mình mở lấy một con - đường - không - con - đường, cần nhảy thẳng vào tâm điểm của cuộc sống, của giác ngộ. Căn bệnh đã quá trầm trọng, cần bạo tay thọc thẳng

mũi dao vào tròng ung thư. Trong tinh thần vô úy ấy, Người đã thét giữa những con người bé nhỏ chúng ta chơn lý tối hậu: **quách nhiên vô thánh**.

Từ huyền sử, Người trang nghiêm tô lại khung đời bằng nét đạo tâm linh.

Sống là đạo, ngoài ra không có đạo nào khác. Đạo nào khác đều tìm thánh bỏ phàm, đều ham ngộ ghét mê, đều bỏ đời cầu đạo, đều tự trói buộc mình:

"Bất dũ phàm thánh đồng triền,
Siêu nhiên danh chi viết Tổ"
*(Chẳng cùng phàm thánh sánh vai,
Vượt lên mới gọi là Tổ).*

Cho nên bất cứ phương tiện nào của cuộc sống cũng là đạo. Bắt nguồn tự vách núi Tung Sơn, đạo sống Thiền thấm nhuần khắp giải đất Á Đông, nung sanh lực cho mấy ngàn năm văn hóa. Cho nên uống trà cũng là đạo, trà đạo: trà thiền nhất vị Võ thuật cũng là đạo, nhu đạo: đạo lấy mềm thắng cứng. Cắm hoa, viết chữ, bắn cung cũng là đạo, đạo luyện phép vô tâm, để cho sự vật tự nó sắp xếp một cách viên mãn nhưt. Cho đến xách nước, bửa củi cũng là đạo:

Bửa củi là diệu dụng,
Xách nước ấy thần thông.
(Bàng Uẩn)

Mà rồi im lặng cũng là đạo nốt::

Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Nói, im, động tịnh thể an nhiên.
(Huyền Giác)

Sau khi Tổ viên tịch, vấn đề giải thoát được nêu lên với tất cả tinh thành của hàng đệ tử. Người ta tự hỏi nhau: "Tổ truyền gì cho Huệ Khả? Bí quyết của pháp Phật là gì? Huyết mạch của đạo thiền là gì? Thực chất của giác ngộ là gì? v.v...". Bao nhiêu câu hỏi nóng hổi đặt dài theo bước chân người câu đạo suốt mười lăm thế kỷ, và có thể đúc kết lại trong câu hỏi độc đáo sau đây của phép tu thiền:

"Nhu hà nhị Tổ sư lai ý".
(Ý nghĩa tối yếu của việc Tổ sư qua Tàu là gì?).

Người ta mang câu hỏi sống chết ấy đến gõ cửa các thiền sư.

Đáp lại tác lòng tinh thành ấy, người ta nhận được những câu trả lời quái dị như sau:

Sư Hương Lâm nói: ngồi lâu thâm mệt.

Sư Cửu Phong nói: một tác lông rùa nặng chín cân.

Sư Triệu Châu nói: Cây bách ở trước sân v.v...

Lối nói ngược ngạo đó gọi là công án. Trong số 1.700 công án thiền, riêng về câu hỏi trên chiếm đến trên trăm câu, đủ biết tổ Đạt Ma luôn luôn có mặt ở khắp nẻo thiền. Nên một ông sư Phù Tang nói:

"Người nào lấy hư không làm giấy, lấy sóng trùng dương làm mực, lấy núi Tu Di làm bút, viết được năm chữ: Tổ Sư tây lai ý, thì sẽ tôi xin trải tấm tọa cụ ra đánh lễ dưới chân."

Sở dĩ người nào hiểu được, chẳng hạn câu nói "bách ở trước sân" (đỉnh tiền bách thọ tử) của Triệu Châu là cùng lúc hiểu được tất cả câu nói khác, tất cả đạo thiền, tất cả pháp Phật. Một công án là một hạt bồ đề xâu chung với vô số hạt khác thành một chuỗi bồ đề vô tận; cho nên đập bể một hạt bồ đề là toàn xâu chuỗi bung ra; nắm được một công án là nắm trọn, là thông suốt tâm Phật ý Tổ.

Tuy nhiên, muốn hiểu được "ý nghĩa của Tổ sư qua Tàu" không phải suy luận mà được, cần phải sống chết với nó, mang nó trong thịt da như Tôn Hành Giả mang cái niết kim cô quanh đầu. Khi Tôn về tròn xong công quả thì cái niết đầu khổ kia bỗng chốc hóa thành không; cũng vậy, khi người tìm đạo "quán" được một công án, thì công án ấy cũng như vô số công án khác, bỗng hóa thành vô nghĩa, thừa thải, như một trò đùa rẻ tiền.

Dù vậy, suốt thời gian chưa quán được thì công án là một mũi tên oan nghiệt bắn thẳng vào mạng sống, nhổ không ra, muốn chết quách cũng không chết được. Đó là tâm trạng cùng quẫn, thối ghen cho biến cố ngộ đạo. Tâm trạng ấy được ví như tâm trạng của người:

"Leo lên cây, miệng cắn vào một cành cây, hai tay buông thõng giữa hư không, hai chân không bám vào đâu được. Tình cờ dưới gốc cây có người hỏi vọng lên: "Ý của Tổ sư qua Tàu là gì?". Người trên cây không trả lời thì không được, mà trả lời thì rơi xuống hốt xương". (theo Vô môn quan).

Người kể câu chuyện cổ quái trên đặt câu hỏi: Trong hoàn cảnh ấy, chính người đó phải làm sao?

"Phải làm sao?"

Đó là bí thuật của Thiên Đông độ, mà Đạt Ma là Sơ Tổ: một huyền thoại của muôn đời.

GHI CHÚ:

(1) Bích nhãn Hồ Tăng.

---o0o---

HẾT